

Số: 225CV-DOBC

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Về việc: Thông báo thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)
2. Mã chứng khoán: PXT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 35G, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
4. Điện thoại: (0254) 3835 888 Fax: (0254) 3835 884
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Mai Đình Bảo – Phó Giám đốc
6. Địa chỉ: 35G Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
7. Điện thoại di động: 0903.901.373 Điện thoại cố định (Cơ quan): (0254) 3835 888 Fax: (0254) 3835 884
8. Loại thông tin công bố: 24h 72h yêu cầu bất thường định kỳ
9. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí thông báo thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cụ thể như sau:

- Thời gian: 08 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 5 năm 2024.
- Địa điểm: Hội trường Công ty DOBC, số 35G, đường 30/4, phường 9, TP. Vũng Tàu.
- Tài liệu họp: Công ty đã đăng tải các tài liệu liên quan đến Đại hội trên Website của Công ty tại đường dẫn <http://www.dobc.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công bố thông tin trên Eoffice và Website của Công ty;
- Lưu VT.





Vũng Tàu, ngày 21 tháng 5 năm 2024



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

TT	Thời gian	Nội dung
1	8h30-9h00	Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
2	9h00-9h10	Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội
3	9h10-9h30	- Khai mạc, chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu - Giới thiệu Đoàn chủ tịch Đại hội - Giới thiệu Ban thư ký và Ban kiểm phiếu. - Thông qua chương trình, Quy chế tổ chức họp tại Đại hội
4	9h30-10h30	Các nội dung trình bày trước Đại hội để xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua: 1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch năm 2024; 2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch năm 2024; 3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024; 4. Tờ trình thông qua quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024; 5. Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2023 (đính kèm BCTC năm 2023); 6. Tờ trình lựa chọn Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024; 7. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên độc lập Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; 8. Tờ trình thông qua bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát . - Đại hội thảo luận các nội dung trên - Giải đáp câu hỏi của cổ đông - Lãnh đạo cấp trên phát biểu
5	10h30-10h50	- Biểu quyết thông qua từng nội dung - Bầu cử TV HĐQT
6	10h50-11h00	Đại hội nghỉ giải lao
7	11h00-11h10	Công bố kết quả biểu quyết/bầu cử
8	11h10-11h20	Thông qua Biên bản/Nghị quyết Đại hội
9	11h20-11h30	Bế mạc Đại hội

Số /BC-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng 4 năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc: Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí



I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2023, tình hình kinh tế toàn thế giới tiếp tục bất ổn do chịu tác động kéo dài của đại dịch Covid-19, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina đã ảnh hưởng lớn đến kinh tế, chính trị, thương mại... của toàn thế giới trong đó có Việt Nam.

Công tác tìm kiếm nguồn việc mới tiếp tục gặp nhiều khó khăn do năng lực cạnh tranh của Công ty chưa cao, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các phần việc chuyên tiếp từ các năm trước và một số gói thầu nhỏ tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu.

Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 đơn vị đang triển khai tiếp tục vướng mắc về cơ chế thanh toán, giá trị đang dở tại dự án này rất lớn; giá nhiên liệu xăng dầu tăng cao, các chính sách về tài chính thắt chặt khiến DOBC gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn nên hoạt động sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn.

Mặc dù còn rất nhiều khó khăn thách thức nêu trên, tuy nhiên DOBC luôn nhận được sự ủng hộ, quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng công ty, sự phối hợp với các đơn vị thành viên trong Tổng công ty, sự đồng lòng, quyết tâm của tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV, DOBC đã hoàn thành kế hoạch sản lượng, doanh thu và có lãi.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng trong năm 2023, Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Cổ đông lớn – Tổng công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam, đặc biệt là tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, nên DOBC đã hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao cho, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ năm 2023 so với 2022
				Kế hoạch DHD CĐ thông qua	Thực hiện		
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	107.71	109	110.73	102%	103%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ năm 2023 so với 2022
				Kế hoạch ĐHĐ CĐ thông qua	Thực hiện		
2	Doanh thu	Tỷ đồng	101.48	104	104.56	101%	103%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0.633	0.33	1.011	306%	160%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0.633	0.33	1.011	306%	160%
5	Đầu tư	Tỷ đồng	0	0	0		
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng					
6.1	Số phải nộp	Tỷ đồng	5.523	6	6.227	104%	113%
6.2	Số đã nộp	Tỷ đồng	3.364		2.842		84%
7	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/tháng	7.5	6.5	7.5	115.4%	100%

- **Giá trị sản lượng:** Thực hiện năm 2023 là 110,73 tỷ đồng, đạt 102% (110,73/109 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023, đạt 103% (110,73/107,71 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022.

- **Doanh thu:** Thực hiện năm 2023 là 104,56 tỷ đồng, đạt 101% (104,56/104 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023, đạt 103% (104,56/101,48 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022.

- **Lợi nhuận:** Thực hiện năm 2023 là 1,011 tỷ đồng, đạt 306% (1,011/0,33 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023, đạt 160% (1,011/0,633 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022.

- **Nộp ngân sách nhà nước:** Số phải nộp năm 2023 là 6.227 tỷ đồng, đạt 104% (6.227 /6 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2022. Số đã nộp NSNN trong năm 2023 là 2.842 tỷ đồng.

- **Lương bình quân:** Thực hiện năm 2023 là: 7,5 triệu/người/tháng, đạt 115,4% kế hoạch năm 2023.

- **Tiết giảm chi phí năm 2023:** 460 triệu đồng

2. Các hoạt động của HĐQT năm 2023

2.1 Tổng các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Ngay từ đầu năm, xác định rõ những khó khăn thách thức, HĐQT Công ty đã nỗ lực tìm mọi giải pháp, nguồn lực chỉ đạo quyết tâm phấn đấu để đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đề ra.

Trong năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã kiện toàn nhân sự thành viên Hội đồng quản trị. Hiện nay, HĐQT Công ty gồm 3 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 thành viên kiêm nhiệm Giám đốc Công ty và 01 thành viên độc lập.

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã tổ chức 11 phiên họp thường kỳ và 9 lần lấy phiếu ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, đã thông qua 13 Nghị quyết và

11 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến hoạt động của DOBC. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong năm 2023 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị của Công ty số 03/BC-HĐQT ngày 17/01/2024 gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và công bố trên website của Công ty.

* Tổng kết các cuộc họp của HĐQT Công ty năm 2023.

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Sỹ Hoàng	11/11	100%	
2	Ông Nguyễn Hoài Nam	1/11	9%	Thôi TV HĐQT kể từ ngày 28/4/2023
3	Ông Lê Hưng	10/11	91%	Vắng mặt có Ủy quyền
4	Ông Trần Vũ Phụng	10/11	91%	TV HĐQT kể từ ngày 28/4/2023

Ngoài các cuộc họp định kỳ, bất thường, HĐQT thường xuyên tham gia vào các cuộc họp cùng Ban giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình triển khai thực hiện các công trình/ dự án Công ty đang thực hiện.

* Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT Công ty năm 2023.

TT	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I - NGHỊ QUYẾT				
1	02/NQ-HĐQT	28/02/2023	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, công tác cán bộ và phương án thanh lý HĐ số 21	100%
2	03/NQ-HĐQT	14/03/2023	Phương án khai thác, thu hồi vốn tài sản văn phòng tầng 6, Tòa nhà Victory, 12 Tân Trào, Quận 7, TP.HCM	100%
3	04/NQ-HĐQT	10/04/2023	Thông qua việc triển khai tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2023-2025	100%
4	06/NQ-HĐQT	09/6/2023	Phân công nhiệm vụ các lĩnh vực giám sát, theo dõi của HĐQT và lựa chọn đơn vị kiểm toán BCIC năm 2023	100%
5	07/NQ-HĐQT	16/6/2023	Liên quan đến khoản tái cấp hạn mức bảo lãnh - tái cấp mức vay vốn ngắn hạn- tái cấp hạn mức thấu chi lương tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB).	100%
6	08/NQ-HĐQT	03/07/2023	Quyết toán chi phí quản lý năm 2022 và kế hoạch chi phí quản lý năm 2023	100%
7	09/NQ-HĐQT	02/08/2023	Kiểm điểm tình hình SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023; Công tác sản tầng 6 Victory Tower; Công tác đầu tư và công tác cán bộ.	100%

TT	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	10/NQ-HĐQT	08/11/2023	Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Vũng Tàu	100%
9	12/NQ-HĐQT	28/11/2023	Chấp thuận vay tiền cá nhân để thanh toán lương tháng 8/2023 cho CBCNV khối Văn phòng và Ban Thái Bình 2.	100%
10	14/NQ-HĐQT	07/12/2023	Công tác cán bộ tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	100%
11	16/NQ-HĐQT	12/12/2023	Chấp thuận thanh lý vật tư thiết bị sau kiểm kê ngày 30/06/2023	100%
12	17/NQ-HĐQT	12/12/2023	Chấp thuận vay tiền cá nhân để thanh toán lương tháng 9,10/2023 cho CBCNV khối Văn phòng và Ban Thái Bình 2	100%
13	19/NQ-HĐQT	18/12/2023	Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ giữ chức Giám đốc Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	100%

II- QUYẾT ĐỊNH:

1	01/QĐ-HĐQT	01/3/2023	Thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên 2023	100%
2	02/QĐ-HĐQT	11/4/2023	Thành lập Ban triển khai công tác tái cơ cấu giai đoạn 2023-2025	100%
3	03/QĐ-HĐQT	24/4/2023	Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHCĐ thường niên 2023	100%
4	06/QĐ-HĐQT	09/6/2023	Phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023	100%
5	07/QĐ-HĐQT	09/6/2023	Phân công nhiệm vụ cho các TV HĐQT	100%
6	08/QĐ-HĐQT	21/09/2023	Thôi giữ chức Phó Giám đốc Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	100%
7	10/QĐ-HĐQT	31/10/2023	Thôi giữ chức Người phụ trách quản trị Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	100%
8	12/QĐ-HĐQT	31/10/2023	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	100%
9	15/QĐ-HĐQT	08/12/2023	Thôi giữ chức Giám đốc Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	100%
10	16/QĐ-HĐQT	08/12/2023	Giao nhiệm vụ Phó Giám đốc phụ trách, Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	100%
11	18/QĐ-HĐQT	19/12/2023	Điều chỉnh tỷ lệ % và mức lương hiệu quả	100%

2.2 Hoạt động của các thành viên HĐQT:

* Thông tin về các thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/12/2023

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	29/11/2022	

2	Ông Nguyễn Hoài Nam	TV HĐQT	19/7/2022	28/4/2023
3	Ông Lê Hưng	TV độc lập HĐQT	19/7/2022	
4	Ông Trần Vũ Phương	TV HĐQT - Giám đốc	28/4/2023	

Các thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Quy chế của HĐQT và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của DOBC cũng như việc giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban giám đốc thông qua việc:

- Tham gia tất cả các hoạt động của HĐQT.
- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác.
- Có ý kiến tại Phiếu lấy ý kiến để HĐQT thống nhất ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT.
- Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của DOBC.

2.3 Báo cáo tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2023

- Tiền lương/thù lao của HĐQT năm 2023 là: 339.515.000 đồng.
- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2023 là: 23.524.274 đồng, tuân thủ theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ của DOBC và các quy định hiện hành.

2.4 Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024

- Tiền lương và thù lao của Thành viên HĐQT là người đại diện của Tổng công ty tại DOBC: Thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty trả thưởng tại Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD của đơn vị và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động- thương binh và Xã hội.
- Tiền lương và thù lao của Thành viên HĐQT độc lập làm việc theo chế độ không thường xuyên tại cơ quan Công ty được hưởng mức thù lao theo Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 19/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thống nhất thông qua.
- Thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách, không hưởng lương của Công ty: không quá 5.000.000 đồng/người/tháng.
- Trường hợp Thành viên độc lập HĐQT làm việc thường xuyên theo chế độ làm việc của Công ty được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với thành viên HĐQT chuyên trách là Người đại diện phần vốn của Petrocons tại DOBC.
- Trường hợp Thành viên HĐQT làm việc không thường xuyên tại cơ quan Công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao không quá 5.000.000 đồng/người/tháng.

2.5 Báo cáo về các giao dịch của Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó

- Trong năm 2023, các Thành viên HĐQT và những người có liên quan không có giao dịch với Công ty và các Chi nhánh Xí nghiệp trực thuộc Công ty;

- Trong năm 2023, Công ty không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.6. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong năm 2023:

- Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên.
- Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, trả lời đầy đủ các phiếu xin ý kiến của HĐQT.
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

2.7 Kết quả giám sát đời với Giám đốc và các thành viên trong Ban giám đốc

- HĐQT giám sát Ban giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT đề ra. Các thành viên trong Ban giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án lớn.

- Giám đốc có phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho các Phó giám đốc.

- Ban giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các văn bản chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ theo Điều lệ của Công ty, các quy định của pháp luật hiện hành.

- Ban giám đốc tổ chức họp giao ban thường xuyên để triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD và các mặt công tác khác.

- Ban giám đốc đã quyết liệt và có nhiều giải pháp để tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong triển khai thực hiện tại các công trình, dự án, đặc biệt là Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình;

- Ban giám đốc đã thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD, có nhiều giải pháp kịp thời để nâng cao công tác điều hành, quản lý và tiết giảm chi phí.

- Ban giám đốc thường xuyên chỉ đạo rà soát lại các quy chế nội bộ của Công ty để chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

2.8 Đánh giá chung:

a. Kết quả đạt được:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Trong năm 2023, DOBC đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế đề ra và đây là năm thứ 2 liên tiếp DOBC làm ăn có lãi (số liệu được thể hiện tại Mục 1. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023).
- Công tác đầu tư năm 2023:

+ Trong năm 2023, DOBC ghi nhận chuyển nhượng thêm diện tích 49,8 m² tại tầng 6 tòa nhà Victory Tower, số 12 Tân Trào, P Tân Phú, Q 7, Tp Hồ Chí Minh với giá trị là: 1,843 tỷ đồng theo phụ số 08 thuộc hợp đồng 145/PVC-PT-PETROLAND ngày 21/12/2010, tổng diện tích sàn tầng 6 sau khi ghi nhận phần diện tích tăng thêm là 1.244m² và hiện nay, DOBC đã cho thuê toàn bộ diện tích Văn phòng làm việc tại tầng 6 tòa nhà Victory Tower.

Trong kỳ đơn vị đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu từ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC).

- Công tác tiếp thị đấu thầu:

+ Trong năm 2023, Công ty đã tích cực thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu và đã ký được 08 hợp đồng kinh tế có tổng giá trị: 42,80 tỷ đồng với Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS); Tổng công ty mẹ PetroCons; Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I. Cụ thể: Thuê dịch vụ tiền chạy thử hạng mục dự án phát triển mỏ Đại Hùng giai đoạn 3: 5,29 tỷ đồng; Các hạng mục tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 31,87 tỷ đồng; Tu sửa các đơn hàng thuộc Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: 5,64 tỷ đồng;

- Công tác kế toán, thu hồi vốn:

+ Tập trung thu hồi vốn, đối chiếu công nợ để đôn đốc thu hồi các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan công tác thu hồi vốn vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác.

+ Công tác hạch toán kế toán luôn tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, báo cáo được lập đầy đủ, kịp thời và gửi cấp trên đúng hạn.

+ Đối với lịch trả nợ đến hạn tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng, Công ty luôn đảm bảo trả nợ đúng hạn để giữ tình hình tài chính tốt không bị nhảy nhóm nợ.

- Công tác tái cơ cấu:

+ Hiện nay bộ máy Công ty còn 3 Phòng chức năng (Phòng TCHC, Phòng TCKT, Phòng KTKT), 01 Ban điều hành dự án Thái Bình 2 và 03 Chi nhánh Xí nghiệp (Chi nhánh Xí nghiệp 1, Chi nhánh Xí nghiệp 2, Chi nhánh Xí nghiệp 3) tuy nhiên chỉ còn Chi nhánh Xí nghiệp 2 đang thi công tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Chi nhánh Xí nghiệp 1 và Chi nhánh Xí nghiệp 3 chỉ còn trên sổ sách, Công ty đang từng bước thực hiện các thủ tục giải thể các Chi nhánh Xí nghiệp không còn hoạt động và chuyển đổi mô hình Chi nhánh Xí nghiệp đang hoạt động sang Đội sản xuất.

+ Thực hiện đề án tái cơ cấu đã được Tổng công ty phê duyệt, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt công tác tái cơ cấu, tinh gọn bộ máy, hiện nay lực lượng lao động do Công ty ký HĐLĐ đã giảm xuống còn 106 người và cuối năm 2023 là 114 người so với 131 người đầu năm 2023. Bên cạnh đó, để chủ động trong việc triển khai thực hiện các hạng mục công việc ngắn hạn (Job), Công ty đã ủy quyền cho Chi nhánh Xí nghiệp 2 ký hợp đồng lao động ngắn hạn (thời vụ) với công nhân để thực hiện các Job công việc.

- Công tác lao động tiền lương:

Tổng số CBCNV do Công ty ký hợp đồng lao động đến cuối năm 2023 là 114 người (không bao gồm số lao động Công ty ủy quyền cho Chi nhánh Xí nghiệp 2 ký hợp đồng lao động ngắn hạn), trong năm 2023 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DOBC đã hoàn thành các chỉ tiêu đề ra và có lãi, năng suất lao động tăng, nên thu nhập bình quân của người lao động cũng tăng so với kế hoạch, năm 2023 thu nhập bình quân của CBCNV Công ty là 7.5 triệu đồng/người/tháng, bằng 115,4% so với kế hoạch.

b. Một số tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2023 đã nêu ở trên, Công ty cũng gặp một số khó khăn, vướng mắc đã tác động đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, cụ thể:

- Giá trị dở dang/ công nợ phải thu tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 lớn, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan công tác thu hồi vốn tại dự án này vẫn chưa đáp ứng như kỳ vọng, không đảm bảo nhu cầu về vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác.

- Mặc dù Công ty đã chủ động tham gia đấu thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, tuy nhiên khả năng trúng các gói thầu bên ngoài còn thấp do năng lực tài chính của Công ty còn hạn chế.

- Nguồn tài chính của Công ty hạn hẹp, trong khi việc vay vốn tại các Ngân hàng rất khó khăn, ảnh hưởng nhiều đến việc trả lương cho người lao động, trả nợ BIIXH, trả nợ thuế và thanh toán công nợ cho khách hàng... điều này ảnh hưởng nhiều đến công tác chỉ đạo hoạt động SXKD của HDQT.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2024

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, HDQT xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu kinh tế như sau:

1. Kế hoạch và các chỉ tiêu năm 2024

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH so với KH	
1	2	3	4	5	6	7
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	109	110.73	102%	150
2	Doanh thu	Tỷ đồng	104	104.56	101%	140
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0.33	1.011	306%	1.2
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0.33	1.011	227%	1.2
5	Đầu tư	Tỷ đồng	0	0		
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng				
6.1	Số phải nộp	Tỷ đồng	6.0	6.227	104%	6.0
6.2	Số đã nộp	Tỷ đồng		2.842		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH so với KH	
7	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/tháng	6.5	7.5	115.4%	7.5

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2024, HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo triển khai đồng bộ để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty, rà soát sắp xếp, xây dựng mô hình quản lý phù hợp, tinh gọn, hiệu quả nhằm tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí quản lý để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2024.

- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện SXKD của Công ty, đặc biệt chú trọng nhân lực về kỹ thuật nhằm tăng tính cạnh tranh trong công tác tìm kiếm nguồn việc mới.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm công việc theo định hướng ngành nghề truyền thống và thế mạnh của Công ty, tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu như: Xây lắp phần trên bờ các dự án vận chuyên, chế biến và tàng trữ dầu khí; Mở rộng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các công trình dầu khí trên bờ/ngoài biển; Sản xuất lắp ráp các thiết bị, kết cấu chuyên ngành Dầu khí. Đồng thời, phát huy tối đa về các lợi thế hiện có của Tổng công ty để bổ sung nguồn việc năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ chất lượng, công tác nghiệm thu thanh quyết toán tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2. Rà soát, đối chiếu, xử lý công nợ, chú trọng đến các khoản công nợ, khối lượng dở dang tồn đọng từ lâu, thu hồi triệt để nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động SXKD.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí, thường xuyên giám sát hoạt động SXKD của Công ty, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các Dự án, đảm bảo tất cả các công trình/dự án Công ty thi công đều có hiệu quả.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước, của Tổng công ty và của Công ty.

- Phối hợp, thống nhất với PVC-IC về kế hoạch bàn giao và xây dựng kế hoạch sử dụng văn phòng làm việc của Công ty sau khi bàn giao khu đất 35D, đường 30/4, Phường 9, Tp Vũng Tàu cho tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Thực hiện công tác chuyển đổi số đảm bảo thống nhất, đồng bộ theo hướng dẫn, chỉ đạo của Tổng công ty, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các mặt công tác khác của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Thay mặt HĐQT, xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ, tin nhiệm của quý cổ đông trong thời gian qua. Rất mong muốn quý cổ đông đóng góp những ý kiến thiết thực giúp HĐQT DOBC trong nhiệm kỳ tới hoạt động ngày càng tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PETROCONS (để b/c);
- HĐQT, BKS, BGD DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Sỹ Hoàng

Số:...../BC-ĐOBC

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc: Kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí



Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2023

I. Đặc điểm tình hình chung

Năm 2023, kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức xung đột chiến tranh, hạn hán kéo dài trên phạm vi rộng, bão lũ, thiên tai, lạm phát tiếp tục neo ở mức cao, tăng trưởng thương mại yếu. Trong bối cảnh ấy, nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên kiềm chế lạm phát. Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự vào cuộc Chính phủ đã chủ động, linh hoạt, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương cùng với sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô nhờ đó kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khả quan cho thấy nền kinh tế tiếp tục có xu hướng phục hồi.

Trong năm 2023, công ty DOBC đã nỗ lực cố gắng vượt khó khăn hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng Công ty giao. Trong quá trình sản xuất kinh doanh có những thuận lợi và khó khăn như sau:

1. Thuận lợi

- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS) trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam.

- Công ty DOBC luôn nhận được sự ủng hộ, quan tâm của lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty PETROCONS đã tạo điều kiện giúp đỡ Công ty DOBC có việc làm ổn định hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Công ty đã định hướng công việc rõ ràng là Đơn vị chuyên ngành xây lắp; sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện, nhà máy đạm và nhà máy lọc hóa dầu...

2. Khó khăn

- Đã tham gia mạng đấu thầu quốc gia có tính chất rộng rãi và minh bạch nhưng khả năng trúng thầu các gói đấu thầu bên ngoài còn hạn chế về năng lực, tính cạnh tranh. Công ty đang cố gắng cùng cố và hoàn thiện công tác đấu thầu.

- Tình hình tài chính của công ty gặp rất nhiều khó khăn. Hiện tại công ty đang đối mặt với các khoản nợ thuế; nợ bảo hiểm xã hội đã nhiều năm chưa giải quyết dứt điểm; nợ khách hàng...

- Trong sản xuất kinh doanh Công ty phải đối diện với khó khăn về thiếu nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất do công nợ còn tồn đọng lớn chưa thu hồi và giá trị dở dang tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 còn nhiều.

❖ **Những mặt đã làm được:**

Mặc dù phải đối diện với những khó khăn, thách thức như trên, nhưng Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV của Công ty DOBC luôn đoàn kết, khắc phục khó khăn và đạt được những **Kết quả SXKD năm 2023** như sau:

- Đảm bảo được việc thi công các gói thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đáp ứng tiến độ của dự án;

- Ký được **08 hợp đồng kinh tế** có tổng giá trị: **42,80 tỷ đồng** với PVCMS; PetroCons, Nhà máy Điện Sông Hậu 1 tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 và Nhà máy điện Sông Hậu;... gồm Thuê dịch vụ tiền chạy thử hạng mục dự án phát triển mỏ Đại Hùng giai đoạn 3: 5,29 tỷ đồng; dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 31,87 tỷ đồng; Tu sửa các đơn hàng thuộc Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I: 5,64 tỷ đồng;

- Giải quyết cho thuê sàn tầng 6 Tp. Hồ Chí Minh; Kho Phạm Văn Nghị để bù chi phí quản lý cho Công ty;

- Thực hiện tốt việc thu xếp và cân đối được tài chính của Công ty mặc dù rất khó khăn về nguồn tiền;

- Kiểm soát tốt chi phí tại các công trình/dự án trong quá trình thực hiện đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả và có lãi lợi nhuận trong năm 2023;

- Thanh toán lương năm 2023 cho CBCNV đầy đủ.

II. Kết quả hoạt động SXKD năm 2023.

Với những thuận lợi và khó khăn như trên toàn thể Lãnh đạo và CBCNV Công ty DOBC đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và đã đạt được kết quả hoạt động SXKD như sau:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2023 (Theo BCTC sau kiểm toán)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023 (ĐHDCĐ thông qua)	Thực hiện năm 2023 (sau kiểm toán)	% Thực hiện	
						So với KH năm 2023	So với năm 2022
1	2		3	4	5	6=5/4	7=5/3
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	107,71	109	110,73	102%	103%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	101,48	104	104,56	101%	103%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,633	0,33	1,011	306%	160%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,633	0,33	1,011	306%	160%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023 (ĐHDCĐ thông qua)	Thực hiện năm 2023 (sau kiểm toán)	% Thực hiện	
						So với KH năm 2023	So với năm 2022
5	Nộp ngân sách nhà nước (NSNN)						
5.1	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	5,523	6	6,227	104%	113%
5.2	Số đã nộp NSNN	Tỷ đồng	3,364		2,842		84%
6	Lương bình quân	triệu đồng/người /tháng	7,5	6,5	7,5	115%	100%
7	Đầu tư	Tỷ đồng	-	-	-	-	-

- **Giá trị sản lượng thực hiện năm 2023** là: 110,73 tỷ đồng, đạt 102% (110,73/109 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023, đạt 103% (110,73/107,71 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022.

- **Doanh thu thực hiện năm 2023** là: 104,56 tỷ đồng, đạt 101% (104,56/104 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023, đạt 103% (104,56/101,48 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022.

- **Lợi nhuận thực hiện năm 2023** là: 1,011 tỷ đồng, đạt 306% (1,011/0,33 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023, đạt 160% (1,011/0,633 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022.

- **Nộp ngân sách nhà nước:** Số phải nộp năm 2023 là: 6,227 tỷ đồng, đạt 104% (6,227/6 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023. Số đã nộp NSNN trong năm 2023 là 2,842 tỷ đồng.

- Lương bình quân thực hiện năm 2023 là: **7,5 triệu/người/tháng**, đạt 115% (7,5/6,5 triệu/người/tháng) kế hoạch năm 2023; đạt 100% (7,5/7,5 triệu người/tháng) so với cùng kỳ năm 2022. Số lao động tính đến ngày 31/12/2023: 114 người.

- **Tiết giảm chi phí năm 2023:** 460 triệu đồng.

⚡ **Chi tiết các chỉ tiêu SXKD năm 2023**

- **Sản lượng thực hiện cả năm 2023** được giá trị như sau: Gói Cơ điện: 9,05 tỷ đồng; Đường ống cấp và thải nước làm mát: 3,50 tỷ đồng; Hệ thống lưới tiếp địa, nối đất chống sét Nhà máy: 1,35 tỷ đồng; Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án NMNĐ Thái Bình: 14,21 tỷ đồng; Gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ điện, thử nghiệm và chạy thử; trạm bơm nước làm mát; Hệ thống cung cấp dầu HFO: 5,15 tỷ đồng; Paving: 3,98 tỷ đồng; Chống ăn mòn điện hóa hệ thống nước làm mát và chống ăn mòn ống ngầm trong nhà máy: -0,85 tỷ đồng; Cung cấp nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ và vật tư hoàn thiện các công việc tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: 61,46 tỷ đồng; Kiểm tra, sửa chữa bảo dưỡng hệ thống van hơi và van an toàn dự án NMNĐ Thái Bình 2: 2,08 tỷ đồng; Sửa chữa thay thế bộ sấy không khí APH của tổ máy 1& tổ máy 2 - Dự án NMNĐTB2: 4,21 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ vệ sinh sứ trạm biến áp T1, T2 và sứ cho

đường dây 500KV nối giữa NMNĐ Sông Hậu và sân phân phối 500KV: 0,23 tỷ đồng; Tiêu tu Hệ thống ESP NMNĐ Sông Hậu 1 năm 2023: 1,79 tỷ đồng; Thuê công nhân phục vụ công tác tiêu tu năm 2023 Nhà máy điện Sông Hậu 1: 2,71 tỷ đồng; Thiết kế, mua sắm lắp đặt phân cấp nguồn cho các thiết bị nâng của gói thầu cầu trục và pa lăng lô 2: 1,86 tỷ đồng;

- **Doanh thu thực hiện cả năm 2023** được giá trị như sau: Gói Cơ điện: 5,37 tỷ đồng, Đường ống cấp và thải nước làm mát: 6,39 tỷ đồng; Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án NMNĐ Thái Bình: 9,10 tỷ đồng; Gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ điện, thử nghiệm và chạy thử; trạm bơm nước làm mát; Hệ thống cung cấp dầu HFO: 7,63 tỷ đồng; Paving: 3,59 tỷ đồng; Chống ăn mòn điện hóa hệ thống nước làm mát và chống ăn mòn ống ngầm trong nhà máy: 0,72 tỷ đồng, Cung cấp nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ và vật tư hoàn thiện các công việc tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: 52,47 tỷ đồng; Kiểm tra, sửa chữa bảo dưỡng hệ thống van hơi và van an toàn dự án NMNĐ Thái Bình 2: 1,90 tỷ đồng; Sửa chữa thay thế bộ sấy không khí APH của tổ máy 1& tổ máy 2 - Dự án NMNĐTB2: 3,83 tỷ đồng; Cung cấp dịch vụ vệ sinh sứ trạm biến áp T1, T2 và sứ cho đường dây 500KV nối giữa NMNĐ Sông Hậu và sân phân phối 500KV: 0,21 tỷ đồng; Tiêu tu Hệ thống ESP NMNĐ Sông Hậu 1 năm 2023: 1,65 tỷ đồng; Thuê công nhân phục vụ công tác tiêu tu năm 2023 Nhà máy điện Sông Hậu 1: 2,51 tỷ đồng; Thiết kế, mua sắm lắp đặt phân cấp nguồn cho các thiết bị nâng của gói thầu cầu trục và pa lăng lô 2: 1,72 tỷ đồng; Lắp đặt đường ống 26" và trạm tiếp bờ dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh: 0,73 tỷ đồng; Doanh thu khác 6,76 tỷ đồng.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất

- Thường xuyên rà soát các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu theo tháng, Quý, năm để hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được duyệt.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí của từng dự án trong suốt quá trình thực hiện để cố gắng đảm bảo các dự án có hiệu quả, tiết giảm các chi phí,...

- Tập trung thu hồi vốn, đối chiếu công nợ để đôn đốc thu hồi các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan công tác thu hồi vốn tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 vẫn chưa đáp ứng nhu cầu về vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác.

- Tăng cường công tác thu vốn, tối ưu hóa dòng tiền phục vụ cho hoạt động SXKD được đảm bảo, tiết giảm chi phí tài chính. Cân đối nguồn tiền để chi trả lương, bảo hiểm cho CBCNV, thuế,... và dần thanh toán được những khoản công nợ trước đây.

- Từng thành viên trong Ban Giám đốc Công ty theo nhiệm vụ đã được phân công, đã tìm hiểu thực tế từng công trình/dự án DOBC đang thi công để gặp gỡ và làm việc với các Chủ đầu tư kịp thời đề ra những giải pháp để tháo gỡ những khó khăn và vướng mắc.

- Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu qua mạng quốc gia đối với các gói thầu phù hợp năng lực kinh nghiệm của Công ty về bảo dưỡng, sửa chữa kết cấu kim loại nhằm tìm kiếm nguồn việc làm cho Công ty, đảm bảo công việc và thu nhập cho người lao động.

- Đảm bảo nguồn nhân lực hiện có kiêm nhiệm nhiều công việc giảm chi phí quản lý cho Công ty;

- Duy trì tốt hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015; Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001: 2018.

3. Công tác tài chính kế toán, thu hồi vốn

- Tình hình thực tế đến ngày 31/12/2023 Công ty còn khoản nợ rất lớn như: BHXII, BHYT, thuế, Khách hàng, vay ngân hàng. Đến thời điểm ngày 31/12/2023 báo cáo Công ty lỗ lũy kế là 160,59 tỷ đồng, Nợ thuế 22,22 tỷ đồng, nợ lương 22,44 tỷ đồng, nợ Ngân hàng 4,49 tỷ đồng, nợ khách hàng 114,08 tỷ đồng; nợ bảo hiểm khoảng 10,70 tỷ đồng. Công nợ phải thu: 176,24 tỷ đồng; Công nợ phải trả: 151,49 tỷ đồng (đính kèm chi tiết bảng dưới).

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Khoản phải thu	Khoản phải trả
1	Công nợ phải thu	176,24	
2	Công nợ phải trả		114,08
3	Nợ thuế		22,22
4	Các khoản nợ bảo hiểm		10,70
5	Nợ ngân hàng và các cá nhân		4,49
	TỔNG CỘNG	176,24	151,49

- Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tài chính để đưa công ty thoát khỏi tình trạng mất cân đối tài chính và đảm bảo đủ nguồn lực tài chính cho SXKD cũng như giải quyết hoặc khoanh lại những tồn tại về mặt tài chính;

- Rà soát lại toàn bộ các khoản công nợ phải trả, phải thu. Đối với các khoản công nợ phải trả, làm việc với nhà cung cấp để giãn nợ, khoanh nợ, thỏa thuận để giảm nợ và đưa ra lộ trình trả nợ trong một khoảng thời gian đủ dài để tập trung SXKD các hợp đồng mới. Sau khi có lợi nhuận từ các Hợp đồng mới này sẽ trích khoản lợi nhuận đó để giải quyết các khoản công nợ trước;

- Công tác hạch toán kế toán luôn tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, báo cáo được lập đầy đủ, kịp thời và gửi cấp trên đúng hạn.

- Cung cấp thông tin và báo cáo kịp thời cho lãnh đạo để phối hợp chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

- Đối với lịch trả nợ đến hạn tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng, Công ty luôn đảm bảo trả nợ đúng hạn để giữ tình hình tài chính tốt không bị nháy nhóm nợ.

4. Công tác đầu tư/ thoái vốn

- Trong năm 2023, DOBC nhận chuyển nhượng thêm diện tích 49,8 m² tại tầng 6 tòa nhà Victory Tower, số 12 Tân Trào, P Tân Phú, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh với giá trị chuyển nhượng là: 1,843 tỷ đồng (theo PL08 thuộc hợp đồng 145/PVC-PT-PETROLAND ngày 21/12/2010), tăng tổng diện tích sàn tầng 6 lên: 1.244 m². Hiện tại, Công ty đã cho thuê lâu dài, toàn bộ diện tích sàn tầng 6 như trên.

- Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu từ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC).

5. Công tác tổ chức, lao động, đào tạo

Công ty đã củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của đơn vị:

- Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị: gồm Chủ tịch và 02 thành viên; Ban Kiểm soát: gồm Trưởng ban và 02 thành viên; Ban Giám đốc: gồm Giám đốc và 02 Phó giám đốc;

- Hiện nay Công ty gồm 01 Ban chỉ huy công trường Thái Bình 2; 03 Phòng chức năng nghiệp vụ: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kinh tế Kỹ thuật và 03 Chi nhánh - Xí nghiệp: Chi nhánh - Xí nghiệp Xây lắp số 1, Chi nhánh - Xí nghiệp Xây lắp số 2, Chi nhánh - Xí nghiệp Xây lắp số 3. Công tác tái cơ cấu các phòng ban vẫn đang tiếp tục thực hiện theo đề án đã được HĐQT công ty phê duyệt và được chấp thuận từ Tổng công ty.

- Lao động Công ty năm 2023: Tổng số CBCNV do Công ty ký HĐLĐ tính đến thời điểm 31/12/2023 là 114 người. Thu nhập bình quân: 7,5 triệu/người/tháng (không bao gồm lao động công ty ủy quyền cho CNXXN ký hợp đồng); Đào tạo không thực hiện.

6. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể:

- Tổ chức lễ ra quân đầu năm tại công ty và công trường NMNĐ Thái Bình 2, kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, Phụ nữ Việt Nam ngày 20/10 cho các chị em Công ty, ngày thống nhất đất nước 30/4 và Quốc tế lao động 1/5. Tham gia các hoạt động chạy online của Tổng Công ty và các Đơn vị trong Tập Đoàn Dầu khí...

Phần II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

I. Mục tiêu tổng quát

- Trên cơ sở tình hình thực tế và khả năng hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2023. Rà soát tình hình thực hiện các dự án đang thực hiện và khả năng các dự án có thể thực hiện trong năm 2024.

- Xây dựng Công ty DOBC là đơn vị xây lắp chuyên ngành chủ lực của Tổng Công ty PETROCONS nhằm ổn định và từng bước phát triển bền vững.

- Duy trì ổn định SXKD của Công ty trong năm 2024. Năm 2022,2023,2024 ổn định và báo cáo tài chính sản xuất kinh doanh 3 năm liền không lỗ trong năm để có thể tham gia đấu thầu các gói thầu phù hợp với năng lực của Công ty.

- Xây dựng và phát triển Công ty DOBC thành Đơn vị Xây lắp chuyên ngành xây lắp dầu khí chất lượng, tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu như: bảo dưỡng, sửa chữa các công trình Dầu khí trên bờ, ngoài biển; Sản xuất lắp ráp các thiết bị kết cấu ngành Dầu khí, Xây lắp các Nhà máy Điện,...

- Tham gia tiếp thị, đấu thầu trong và ngoài ngành để tìm kiếm công việc bổ sung vào chỉ tiêu SXKD của Công ty;

- Thực hiện tiết kiệm tránh lãng phí chi phí quản lý sản xuất, thu xếp trả khoản nợ BHXH, thuế,...
- Đảm bảo ổn định dòng tiền để tham gia vào các dự án đang thi công và các dự án sắp tới.

II. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	150
2	Doanh thu	Tỷ đồng	140
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,2
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,2
5	Đầu tư	Tỷ đồng	-
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	200
7	Thu nhập bình quân/tháng	Triệu đồng	7,5
8	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	6,00
9	Lao động	Người	120

Các chỉ tiêu SXKD năm 2024 gồm Sản lượng: **150 tỷ đồng**, Doanh thu: **140 tỷ đồng**, Lợi nhuận trước thuế **1,2 tỷ đồng**, Đầu tư: 0 tỷ (*Chi tiết đính kèm BM4.1-2024*). Trong đó:

- **Sản lượng:** Cung cấp nhân lực máy móc thiết bị dụng cụ và vật tư thi công hoàn thiện các phần việc dở dang Nhà máy - DA Nhiệt điện Thái Bình 2: 20 tỷ đồng; Thiết kế mua sắm lắp đặt cấp nguồn cho các thiết bị nâng của gói thầu cầu trục và palawng lô 2: 8,43 tỷ đồng; Thuê dịch vụ tiền chạy thử và chạy thử trên bờ thuộc gói thầu Thi công chế tạo và lắp đặt hoàn thiện trên bờ, phục vụ hạ thủy chằng buộc trên sà lan hạng mục dự án phát triển mỏ Đại Hùng giai đoạn 3: 3,43 tỷ đồng; Cung cấp và thi công diện chiếu sáng ô cắm, công tác trong nhà hệ thống tiếp đi, nối đất chống sét các tòa nhà còn lại thuộc Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 19,23 tỷ đồng; Cung cấp phễu than di động cho Công ty Minh Nam : 0,63 tỷ đồng; Cung cấp phễu than phục vụ công tác vận chuyển than đường bộ: 0,63 tỷ đồng; Bảo dưỡng hệ thống quạt tổ máy số 2: 3,5 tỷ đồng; Bảo dưỡng hệ thống khử lưu huỳnh tổ 1 và 2: 3,4 tỷ đồng; Bảo dưỡng hệ thống thiết bị nghiền than tổ 1 và 2: 9 tỷ đồng; Thi công kho than kín số 3: 10 tỷ đồng; Dự án điện rác Yên Bình: 10 tỷ đồng; Bảo trì, bảo dưỡng nhà máy điện (Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2- Bình Thuận, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí Quảng Ninh): 20 tỷ đồng; Nhà máy đạm Cà Mau: 18,50 tỷ đồng; Dự án Kho xăng dầu PVOil An Hải, Hải Phòng: 14,20 tỷ đồng; Dự án khác: 9 tỷ đồng.

- **Doanh thu:** Gói tiết địa: 4,93 tỷ đồng; Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án NMND Thái Bình: 0,3 tỷ đồng; Gói Hệ thống dầu HFO, Trạm bơm nước làm mát và nhà clo; Hệ thống thải xỉ đáy lò: 11,04 tỷ đồng; Paving: 0,33 tỷ đồng; Cung cấp nhân lực máy móc thiết bị dụng cụ và vật tư thi công hoàn thiện các phần việc dở dang Nhà máy - DA Nhiệt điện Thái Bình 2: 18,10 tỷ đồng; Thiết kế mua sắm lắp đặt cấp nguồn cho các thiết bị nâng của gói thầu cầu trục và palawng lô 2: 7,66 tỷ đồng; Thuê dịch vụ tiền chạy thử và chạy thử trên bờ thuộc gói thầu Thi công chế tạo và lắp đặt hoàn thiện trên bờ, phục vụ hạ thủy chằng buộc trên sà lan hạng mục dự án phát triển mỏ Đại

Hùng giai đoạn 3: 3,18 tỷ đồng; Cung cấp và thi công điện chiếu sáng ổ cắm, công tác trong nhà hệ thống tiếp di, nối đất chống sét các tòa nhà còn lại thuộc Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 17,48 tỷ đồng; Cung cấp phễu than di động cho Công ty Minh Nam : 0,58 tỷ đồng; Cung cấp phễu than phục vụ công tác vận chuyển than đường bộ: 0,58 tỷ đồng; Bảo dưỡng hệ thống quạt tổ máy số 2: 1,8 tỷ đồng, Bảo dưỡng hệ thống khử lưu huỳnh tổ 1 và 2: 1,5 tỷ đồng; Bảo dưỡng hệ thống thiết bị nghiền than tổ 1 và 2: 8,18 tỷ đồng; Thi công kho than kín số 3: 8,64 tỷ đồng; Dự án điện rác Yên Bình: 8,18 tỷ đồng; Bảo trì, bảo dưỡng nhà máy điện (Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2- Bình Thuận, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí Quảng Ninh): 15,45 tỷ đồng; Nhà máy đạm Cà Mau: 14,77 tỷ đồng; Dự án Kho xăng dầu PVOil An Hải, Hải Phòng: 5,81 tỷ đồng; Dự án khác: 6,55 tỷ đồng.

- **Lợi nhuận:** Lợi nhuận cả năm 2024 là 1,2 tỷ đồng. Công ty dự kiến và hy vọng sẽ hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra.

III. Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch năm 2024

1. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024

- Rà soát thường xuyên các nội dung cơ bản của kế hoạch năm để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Nhiệm vụ năm 2024, hoàn thành xong công tác thanh toán các Hợp đồng đã ký tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Công ty DOBC để đảm bảo doanh thu theo kế hoạch và có nguồn tài chính để thực hiện các dự án;

- Tích cực công tác tiếp thị đầu thầu. Chủ động phát triển, mở rộng ra các khách hàng trong ngành cũng như ngoài ngành Dầu khí để tìm kiếm các công trình đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2024 và tạo nguồn công việc cho Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí quản lý sản xuất, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các Dự án, cố gắng đảm bảo tất cả các công trình, dự án Công ty thi công đều đạt hiệu quả;

- Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn và công nợ nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh công tác lập hồ sơ hoàn công, hồ sơ nghiệm thu, tích cực trong công tác thu hồi vốn và công nợ nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh;

- Tăng cường kiểm soát chi phí quản lý sản xuất, thu hồi công nợ và thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các Dự án. Chỉ đạo kiểm điểm xem xét lại tất cả các khâu từ công tác điều hành, công tác quản lý chi phí sản xuất, công tác lập dự toán khối lượng chào thầu, công tác mua bán vật tư phục vụ sản xuất và công tác khoán nội bộ để rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo điều hành quản lý sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;

- Thường xuyên làm việc với các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng để thu xếp vốn đáp ứng nhu cầu SXKD của công ty;

- Thống nhất với PVC-IC về kế hoạch bàn giao và xây dựng kế hoạch sử dụng văn phòng làm việc của đơn vị sau khi bàn giao khu đất 35D - đường 30/4 - TP. Vũng Tàu cho tỉnh BRVT.

2. Giải pháp thực hiện

Để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, DOBC cần phải xác định được thế mạnh, ngành nghề mũi nhọn chủ lực của công ty để phát huy thế mạnh trong các năm tới; xác định được điểm yếu của công ty trong thời gian vừa qua để khắc phục trong thời gian tới.

2.1. Giải pháp về tổ chức và quản trị doanh nghiệp

- Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực toàn Công ty.
- Nghiên cứu hoàn thiện tối ưu hóa mô hình quản lý của các Ban điều hành dự án đối với các công trình ở xa để phát huy tính hiệu quả đối với quản lý và điều hành các công trình.
- Tìm kiếm các tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn vốn phục vụ thi công các công trình và dự án;
- Tăng cường và đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh quyết toán, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là dự án Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Sửa chữa các thiết bị hiện có của công ty, mua sắm mới các thiết bị thật cần thiết để phục vụ thi công các công trình.

2.2. Giải pháp tiếp thị và tìm nguồn việc cho Công ty

- Chiến lược phát triển thị trường bao gồm việc bảo vệ thị trường hiện tại và mở rộng thị trường nội địa. Hiện tại, thị phần của Công ty DOBC về xây lắp dầu khí đang ở mức thiếu hụt nguồn việc, khách hàng tiềm năng và ổn định lâu dài của Công ty vẫn là PVGas; Vietsovpetro; BSR, các công ty Đạm, PV Power, PVEP nhưng DOBC chưa có nguồn việc của các Chủ đầu tư này. Vì các Chủ đầu tư này có nguồn việc ổn định, thanh toán công trình nhanh đảm bảo dòng tiền tốt. Để đáp ứng mục tiêu trên, để tạo được niềm tin và uy tín công ty, chủ đầu tư tin tưởng DOBC cần xây dựng hình ảnh và thực hiện tốt công việc tiếp thị và thi công tốt các công việc hiện có, cải thiện tình hình tài chính công ty. Công ty cần có chiến lược bảo vệ thị trường này, không để mất thị phần vì hiện tại nhiều đối thủ ngày càng mạnh có nguy cơ ảnh hưởng đến thị phần của Công ty. Song song với việc duy trì, giữ vững các mối quan hệ hợp tác với khách hàng, đối tác của mình, Công ty luôn chủ động tìm kiếm khách hàng, chủ đầu tư lớn nhằm củng cố, thiết lập và mở rộng mạng lưới nhà thầu tiềm năng.
- Củng cố lực lượng làm công tác tiếp thị đấu thầu ở các thị trường ngoài nước, xây dựng chiến lược tiếp thị đấu thầu để đạt được hiệu quả cao trong lĩnh vực chế tạo, lắp đặt các công trình Dầu khí trong khu vực và quốc tế.
- Tăng cường công tác tiếp thị tìm kiếm công việc theo định hướng ngành nghề truyền thống duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình dầu khí, nhà máy nhiệt điện, nhà máy đạm, nhà máy hoá chất (thế mạnh của DOBC)
- Tham gia cùng Công ty mẹ PETROCONS tiếp thị, đấu thầu các công trình trong và ngoài ngành Dầu khí và thực hiện các phần việc thuộc năng lực và sở trường của Công ty trong các dự án Công ty mẹ trúng thầu.
- Xây dựng chiến lược tiếp thị và đấu thầu, bổ sung lực lượng làm công tác đấu thầu đủ năng lực thực hiện đấu thầu quốc tế. Triển khai quảng bá hình ảnh của DOBC như một nhà thầu PC trong khu vực và quốc tế. Đến năm 2025 Công ty đủ năng lực tham gia vào thị trường trong nước như một nhà thầu cạnh tranh.

2.3. Giải pháp về thu hồi vốn và tăng vốn phục vụ SXKD

- Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn và công nợ nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Mở rộng các mối quan hệ với các đối tác ngân hàng/tổ chức tín dụng nhằm đa dạng hoá và tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với chiến lược kế hoạch tăng trưởng định hướng đã được nêu trên.

- Tăng cường công tác kiểm tra và thực hiện hiện công tác tiết giảm chi phí trong hoạt động SXKD.

2.4. Giải pháp nguồn nhân lực:

- Để đảm bảo đáp ứng đủ nguồn lực cho Công ty phải xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, từ khâu tuyển dụng, tiếp nhận, sử dụng, đào tạo, đánh giá và đãi ngộ.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, động viên và chế độ đãi ngộ cụ thể (về tiền lương, điều kiện làm việc và các chế độ khác), đặc biệt là phải có bước đột phá trong trả lương đối với cán bộ công nhân viên, cán bộ quản lý, để giữ và thu hút lao động có tay nghề cao, cán bộ có năng lực, trình độ, tâm huyết gắn bó với Công ty.

- Điều chỉnh và xây dựng lại hệ thống thang bảng lương trong đó có đánh giá hiệu quả công việc để có cơ sở xác thực tính lương phù hợp tránh cào bằng dẫn đến không có tinh cạnh tranh và thúc đẩy trong công việc.

- Để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ trình độ và năng lực cạnh tranh cần thực hiện tốt quy hoạch cán bộ; nâng cao chất lượng, qui mô đào tạo tại chỗ, cũng như liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo và có kế hoạch đào tạo đúng với nhu cầu thực tế của Công ty, đồng thời đa dạng hóa các hình thức đào tạo (dài hạn, ngắn hạn, tại chỗ...) để nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn đáp ứng tốt nhu cầu của Công ty.

- Song song với việc tuyển dụng nhân lực có trình độ chuyên môn tốt, trong thời gian tới DOBC vẫn tiếp tục phải tinh giảm bộ máy nhân sự, sàng lọc nhân sự không đáp ứng được yêu cầu công việc.

2.5. Giải pháp về liên danh liên kết:

- Đẩy mạnh hợp tác liên kết với các đối tác trong khu vực và quốc tế để cùng phát triển các dự án sản xuất, dịch vụ; xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm cơ khí, công nghiệp...Liên doanh, liên kết với các đối tác lớn trong và ngoài nước nhằm giải quyết thiếu hụt vốn sản xuất kinh doanh cũng như tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Bên cạnh đó, Công ty DOBC dự kiến sẽ thực hiện hợp tác liên doanh với các đối tác lớn nhằm học hỏi kinh nghiệm tổ chức, công nghệ, kỹ thuật trong các lĩnh vực thiết kế, xây lắp thi công.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Công ty DOBC cần số tiền rất lớn để giải quyết dứt điểm nợ Bảo hiểm xã hội tuy nhiên hiện tại tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn không có khả năng trả nợ BHXH. Công ty DOBC kính đề nghị PETROCONS hỗ trợ giúp DOBC thu hồi công nợ đối với các đơn vị PVC-MS; Lilama; ...để Công ty có nguồn tiền thu xếp trả nợ BHXH.

- Công ty DOBC đang tập trung các nguồn lực để hoàn thành các hạng mục công trình đã ký tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, việc triển khai đang gặp rất nhiều khó khăn về vốn. Kiến nghị PETROCONs tạo điều kiện thanh toán các khoản công nợ cũ của PETROCONs đối với công ty; xem xét ký các phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức thanh toán cho phù hợp với tình hình thi công thực tế; giải quyết các khó khăn vướng mắc thực tế kịp thời trong quá trình thi công dự án.

- Như các nội dung đã báo cáo ở phần trên, hiện tại DOBC đang mất cân đối tài chính đặc biệt là áp lực phải trả các khoản nợ NSNN, BHXH, Ngân hàng, khách hàng/Nhà cung cấp. (Chi cục thuế TP Vũng Tàu thường xuyên có các văn bản/quyết định cưỡng chế thuế của DOBC và các Xí nghiệp trực thuộc, chế độ chính sách đối với Người lao động chưa được thực hiện đầy đủ và các khoản vay NH không được trả đúng hạn; Chủ nợ thường xuyên gây áp lực và khởi kiện ra tòa để thu hồi công nợ ... Các khó khăn vướng mắc trên đã ảnh hưởng đến việc duy trì tính liên tục trong hoạt động SXKD và sẽ phức tạp theo thời gian nếu DOBC không được Chủ đầu tư/Tổng thầu Dự án TB2 hỗ trợ thanh toán các khoản công nợ đến hạn/quá hạn được thanh toán). Do đó việc thực hiện các giải pháp Tái cấu trúc của DOBC sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

- Kiến nghị PETROCONs xem xét giao việc trong các dự án mà PETROCONs là Tổng thầu phù hợp với năng lực của công ty DOBC và hỗ trợ DOBC tiếp thị các dự án trong và ngoài Tập Đoàn.

Trên đây là Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PETROCONs (để b/c);
- HĐQT, BKS DOBC (để b/c);
- Ban GD DOBC (để p/h);
- Lưu VT; P. KTKT.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Thu

Số: /DOBC-BKS

Vũng Tàu, ngày tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO



BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lập Đường Ồng Bể chứa Dầu khí

- Căn cứ luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lập Đường Ồng Bể chứa Dầu khí (DOBC);
- Căn cứ vào tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát DOBC;

Ban kiểm soát Công ty DOBC báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2023 của Ban kiểm soát và kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát DOBC gồm có 3 thành viên, trong đó 01 Trưởng ban làm chuyên trách và 02 thành viên làm kiêm nhiệm, gồm:

- Bà Nguyễn Thị Phương – Trưởng Ban Kiểm soát;
- Bà Vũ Thị Châm – Thành viên kiêm nhiệm;
- Ông Nguyễn Mậu Thơ – Thành viên kiêm nhiệm,

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2023, trên cơ sở nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty DOBC thông qua. Ban kiểm soát đã tập trung triển khai công tác giám sát thường xuyên tại Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, của HĐQT và Ban giám đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết HĐQT trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc.

- Kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty qua các cuộc họp, các văn bản và báo cáo định kỳ của Phòng chức năng, Ban điều hành và các Chi nhánh – Xí nghiệp.

- Phối hợp với các Phòng chức năng Công ty tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, các quy chế của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát công tác lập báo cáo kiểm kê, Báo cáo Tài chính Quý, năm 2023. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng năm 2023 và cả năm 2023.

- Tham dự các cuộc họp định kỳ/ hoặc bất thường theo thông báo của HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc, cập nhật thông tin để đề xuất, kiến nghị các giải pháp phục vụ cho công tác quản trị, quản lý điều hành sản xuất của Công ty.

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm 2023, ngoài công tác trao đổi thường xuyên giữa các thành viên, Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp sau khi có báo cáo quyết toán quý, nhưng không ban hành các quyết định.

4. Tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2023:

Ban kiểm soát Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong kế hoạch hoạt động năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ DOBC quy định; Thực hiện tốt công việc do Ban kiểm soát phân công.

4.1 Bà Nguyễn Thị Phượng - Trưởng ban: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Phụ trách chung và điều hành hoạt động chung của Ban kiểm soát .

- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát theo điều lệ Công ty bao gồm :

+ Xem xét, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Hội đồng quản trị , Ban giám đốc

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty .

+ Giám sát hoạt động tài chính của Công ty, thẩm tra các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ và năm.

+ Tổng hợp báo cáo của các thành viên và báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên.

4.2 Bà Vũ Thị Châm - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát cụ thể theo điều lệ bao gồm :

+ Xem xét tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của công ty.

+ Xem xét, kiểm tra, thẩm định các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ và năm của công ty.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trường ban phân công.

4.3 Ông Nguyễn Mậu Thơ - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát cụ thể theo điều lệ bao gồm :

+ Phối hợp xem xét, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban giám đốc.

+ Giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật, nội quy, quy định của Công ty.

+ Xem xét kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế, quy trình mua sắm vật tư, thiết bị và CCDC.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trường ban phân công.

• Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

Chi tiết tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình về việc thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2023 theo quy định.

Đối với các chi phí phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023: *Không có*

PHẦN II: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2023

I. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua:

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% Thực hiện	
					So với KH năm 2023	So với năm 2022
1	2	3	4	5	6=5/4	7=5/3
1	Vốn chủ sở hữu	53,53		54,54		102%
2	Giá trị sản lượng	107,71	109	110,73	102%	103%
3	Doanh thu	101,48	104	104,56	101%	103%

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% Thực hiện	
					So với KH năm 2023	So với năm 2022
1	2	3	4	5	6=5/4	7=5/3
4	Lợi nhuận trước thuế	0,633	0,33	1,011	306%	160%
5	Lợi nhuận sau thuế	0,633	0,33	1,011	306%	160%
6	Đầu tư	-	-	-		
7	Nộp NS nhà nước					
7.1	Số phải nộp NSNN	5,523	6	6,227	104%	113%
7.2	Số đã nộp NSNN	3,364		2,842		84%
8	Lương bình quân (Triệu/tháng)	7,5	6,5	7,5	115%	100%

- Giá trị sản lượng thực hiện năm 2023 là: 110,73 tỷ đồng, đạt 102% (110,73/109 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023, đạt 103% (110,73/107,71 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022.

- Doanh thu thực hiện năm 2023 là: 104,56 tỷ đồng, đạt 101% (104,56/104 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023, đạt 103% (104,56/101,48 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022.

- Lợi nhuận thực hiện năm 2023 là: 1,011 tỷ đồng, đạt 306% (1,011/0,33 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023, đạt 160% (1,011/0,633 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022.

- Nộp ngân sách nhà nước: Số phải nộp năm 2023 là: 6,227 tỷ đồng, đạt 104% (6,227/6 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2023. Số đã nộp NSNN trong năm 2023 là 2,842 tỷ đồng.

- Lương bình quân thực hiện năm 2023 là: 7,5 triệu/người/tháng, đạt 115% (7,5/6,5 triệu/người/tháng) kế hoạch năm 2023; đạt 100% (7,5/7,5 triệu người/tháng) so với cùng kỳ năm 2022. Số lao động tính đến ngày 31/12/2023: 114 người.

2. Tình hình thực hiện đầu tư/ thoái vốn:

Trong năm 2023, DOBC nhận chuyển nhượng thêm diện tích 49,8 m² tại tầng 6 tòa nhà Victory Tower, số 12 Tân Trào, P Tân Phú, Q 7, Tp Hồ Chí Minh với giá trị là: 1,843 tỷ đồng theo phụ số 08 thuộc hợp đồng 145/PVC-PT-PETROLAND ngày 21/12/2010. Đồng thời đã cho thuê được toàn bộ diện tích Văn phòng làm việc tại tầng 6 tòa nhà Victory Tower này.

Trong kỳ đơn vị đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu từ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC).

3. Công tác tổ chức, nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách:

Hiện nay, bộ máy Công ty còn 03 phòng chức năng (gồm: Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kinh tế Kỹ thuật); 01 Ban điều hành dự án DOBC Thái Bình 2; 03 Chi nhánh Xí nghiệp: Xí nghiệp Xây lắp số 1, Xí nghiệp Xây lắp số 2, Xí

nghiệp Xây lắp số 3, trên thực tế chỉ có Xí nghiệp Xây lắp số 2 đang hoạt động thi công tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, còn Xí nghiệp Xây lắp số 1 và Xí nghiệp Xây lắp số 3 chỉ còn tên trên sổ sách. Hiện tại Công ty DOBC đang từng bước thực hiện các thủ tục chuyển đổi mô hình các Chi nhánh xí nghiệp theo đề án tái cơ cấu, kiện toàn mô hình tổ chức đã được Tổng Công ty PETROCONS phê duyệt.

Tổng số CBCNV do Công ty ký HDLD tại thời điểm 31/12/2023 là 114 người (Trong đó Nữ: 17 người chiếm 15%). Thạc sỹ 04 người; Đại học 45 người; Lao động phổ thông 05 người; Trung cấp, CN kỹ thuật: 62 người. Bên cạnh số lao động do Công ty ký hợp đồng lao động, số lao động do Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp số 2 ký hợp đồng lao động ngắn hạn khi được Công ty ủy quyền giao động từ 100-200 người tùy vào thời điểm, yêu cầu công việc khi triển khai các hạng mục tại các Dự án.

Năm 2023 nguồn việc chủ yếu của Công ty tập trung tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, nhưng khối lượng dở dang lớn, nợ tồn đọng nhiều. Lỗi lũy kế kéo dài qua nhiều năm gây khó khăn cho việc tiếp thị đấu thầu, nguồn tài chính hạn chế dẫn đến việc Công ty chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với NSNN, cơ quan BHXH, trợ cấp thôi việc, nợ lương người lao động, nợ khách hàng, người lao động nghỉ việc từ những năm trước chưa được thanh toán trợ cấp thôi việc, Công ty chậm chót số BHXH đối với các lao động nghỉ việc/chuyển công tác/ngỉ chế độ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động.

4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty:

Công ty đã thực hiện rà soát chỉnh sửa quy chế, quy trình, quy định về quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và phù hợp với các Quy định của Pháp luật hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng 20 Quy chế (do HĐQT ban hành) và 16 Quy định, 22 Quy trình, 22 Hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 và tiêu chuẩn ISO 45001:2018 (do Giám đốc ban hành). Trong năm 2023 Công ty đã chỉnh sửa và ban hành:

- + Quy chế Quan hệ công tác giữa Ban chấp hành Đảng bộ, Ban thường vụ Đảng ủy Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.
- + Quy chế Quản lý cán bộ trong Công ty.

Nhìn chung hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành đầy đủ, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành và các hoạt động của Công ty cũng đã tuân thủ theo các quy chế và quy định đã ban hành.

5. Công tác tài chính kế toán năm 2023:

5.1 Công tác ghi chép và lập báo cáo:

Công tác hoạch toán kế toán của Công ty cơ bản thực hiện theo đúng quy định hiện hành tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc “Ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp”. Hệ thống chứng từ kế toán được lập, ghi chép sổ sách và lưu trữ theo quy định hiện hành.

5.2 Công tác quyết toán và theo dõi công nợ phải thu, phải trả:

Trong năm 2023, công tác tài chính gặp nhiều khó khăn, với dòng tiền thu từ dự án, Công ty vừa phải cân đối để chi trả các chi phí thi công cho Dự án, vừa phải chi trả nợ cũ khách hàng từ các năm trước còn tồn đọng, đồng thời phải chi trả cho Bảo hiểm xã hội tình nên bị động về tài chính.

5.3 Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật:

Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT, TNCN hàng tháng đầy đủ. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty còn nợ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước là 22,22 tỷ đồng (*trong đó nợ quá hạn là 21,57 tỷ đồng*). Bao gồm Thuế GTGT 20,28 tỷ đồng; Thuế TNCN 1,05 tỷ đồng; Tiền thuê đất 72,7 triệu đồng; Thuế môn bài và các loại thuế khác 813,6 triệu đồng. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty bị cưỡng chế thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quyết định số 70/QĐ-CTBRV của Cục thuế Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 03/01/2024. Lý do bị cưỡng chế là Công ty DOBC có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định. Số tiền bị cưỡng chế là: 9,05 tỷ đồng. Các CN XN của Công ty cũng đang trong tình trạng tương tự. Trước khó khăn trên, Ban lãnh đạo doanh nghiệp đã nỗ lực làm việc với cơ quan quản lý thuế để được xuất hóa đơn từng lần theo điểm d khoản 4 điều 34 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ để giảm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5.4 Tình hình sử dụng vốn điều lệ đến 31/12/2023 :

Số lỗ lũy kế Công ty đến thời điểm 31/12/2023 là 160,59 tỷ đồng, tương đương 80,3% vốn điều lệ.

Công ty sử dụng vốn điều lệ đúng mục đích nhằm phục vụ hoạt động SXKD của Công ty, không sử dụng vào các hoạt động đầu tư khác.

5.5. Quản lý chi phí sản xuất kinh doanh và xác định giá vốn hàng bán:

DVT: đồng

Loại chi phí	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng năm 2023
Giá vốn hàng bán	25,136,437,926	17,359,597,492	21,983,771,911	18,292,060,863	82,771,868,192
Chi phí tài chính	355,115,837	287,626,637	140,980,627	77,532,417	861,255,518
Chi phí quản lý	5,213,388,577	1,006,272,449	2,902,384,821	2,625,345,719	11,747,391,566
Chi phí khác	2,730,038,144	3,498,560,562	170,880,008	1,774,564,076	8,174,042,790
Tổng cộng	33,434,980,484	22,152,057,140	25,198,017,367	22,769,503,075	103,554,558,066

- Giá vốn hàng bán năm 2023 là 82,77 tỷ đồng giảm 1,97% so với cùng kỳ năm 2022 (1,66 tỷ đồng). Chi phí giá vốn năm 2023 chủ yếu là từ hoạt động xây lắp, trong đó Dự án Nhiệt điện Thái Bình II là 75,32 tỷ chiếm 91,01% tổng giá vốn năm 2023.

- Chi phí tài chính năm 2023 là 0,86 tỷ đồng giảm 67,47% so với năm 2022 (2,64 tỷ đồng) tương đương giảm 1,78 tỷ đồng. Chi phí tài chính của đơn vị là chi phí lãi vay tại các tổ chức tín dụng và cá nhân. Năm 2023 chi phí lãi vay giảm do đơn vị đã tích cực thu hồi vốn trả nợ gốc cho khoản vay tại NHFMCP Quốc Dân – CN Bà Rịa Vũng Tàu.

- Chi phí quản lý năm 2023 là 11,74 tỷ đồng giảm 8,57% so với chi phí quản lý năm 2022 (12,84 tỷ đồng). Chi phí quản lý chủ yếu chi phí khấu hao tài sản, chi dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác, cụ thể chi phí khấu hao năm 2023 là 1,42 tỷ đồng giảm 33,22% tương đương 0,70 tỷ đồng so với năm 2022 (2,12 tỷ đồng).

6. Nhận xét, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2023 với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023: Sản lượng 110,73 tỷ đồng, doanh thu 104.56 tỷ đồng, lợi nhuận 1.011 tỷ đồng.

a. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2023 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

a.1 Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2023:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2023	Năm 2023 so với 2022(%)
I	TỔNG TÀI SẢN	304,796,373,124	296,404,619,566	97.25%
A	Tài sản ngắn hạn	267,089,942,891	261,887,929,357	98.05%
1	Tiền	2,544,740,176	1,284,300,598	50.47%
2	Các khoản phải thu	199,182,003,870	218,506,382,985	109.70%
3	Hàng tồn kho	63,711,600,933	40,459,702,158	63.50%
4	Tài sản ngắn hạn khác	1,651,597,912	1,637,543,616	99.15%
B	Tài sản dài hạn	37,706,430,233	34,516,690,209	91.54%
1	Các khoản phải thu dài hạn	56,850,300	0	0.00%
2	Tài sản cố định	37,614,996,515	34,390,416,075	91.43%
3	Tài sản dài hạn khác	34,583,418	126,274,134	365.13%
II	TỔNG NGUỒN VỐN	304,796,373,124	296,404,619,566	97.25%
A	Nợ phải trả	251,261,741,838	241,858,305,074	96.26%
1	Nợ ngắn hạn	251,152,941,838	240,860,276,156	95.90%
2	Nợ dài hạn	108,800,000	998,028,918	917.31%
B	Vốn chủ sở hữu	53,534,631,286	54,546,314,492	101.89%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	200,000,000,000	200,000,000,000	100.00%
2	Thặng dư vốn cổ phần	150,826,415	150,826,415	100.00%
3	Các quỹ	14,984,594,051	14,984,594,051	100.00%
4	Lợi nhuận chưa phân phối	(161,600,789,180)	(160,589,105,974)	99.37%

a.2 Một số chỉ tiêu về lưu chuyển tiền tệ

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2023 so với năm 2022
1	Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	16,378,075,628	9,618,753,727	58.73%
2	Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	701,638,667	(1,739,291,071)	
3	Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	(18,049,917,519)	(9,139,902,234)	50.64%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2023 so với năm 2022
4	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(970,203,224)	(1,260,439,578)	129.92%
5	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3,514,943,400	2,544,740,176	72.40%
6	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2,544,740,176	1,284,300,598	50.47%

a.3 Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2023 so với năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	100,837,764,783	99,614,555,082	98.79%
2	Giá vốn hàng bán	84,432,676,764	82,771,868,192	98.03%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	16,405,088,019	16,842,686,890	102.67%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	49,004,135	103,858,729	211.94%
5	Chi phí tài chính	2,647,428,834	861,255,518	32.53%
6	- Trong đó : Lãi vay phải trả	2,647,428,834	861,255,518	32.53%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,848,767,665	11,747,391,566	91.43%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	957,895,655	4,337,898,535	452.86%
9	Thu nhập khác	594,987,517	4,847,829,461	814.78%
10	Chi phí khác	919,604,513	8,174,042,790	888.87%
11	Lợi nhuận khác	(324,616,996)	(3,326,213,329)	1024.66%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	633,278,659	1,011,685,206	159.75%
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	633,278,659	1,011,685,206	159.75%
14	Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	32	51	

a.4 Nhận xét, đánh giá:

- Báo cáo tài chính do Công ty lập và được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã phản ánh đầy đủ, trung thực, trên các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2023 và tình hình tài chính của DOBC tại ngày 31/12/2023 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán.

- Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2023 là 160,59 tỷ đồng, tương ứng 80,3% vốn góp của chủ sở hữu; nợ quá hạn chưa thanh toán là

87,69 tỷ đồng. Nợ thuế quá hạn chưa thanh toán là 21,57 tỷ đồng. Nợ phải trả lớn gấp 4,32 lần vốn chủ sở hữu. Toàn công ty đều bị cưỡng chế thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quyết định số 70/QĐ-CTBRV của Tổng cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 03/01/2024. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện nhiều hợp đồng lớn, đặc biệt tại dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 với tổng thầu EPC là Tổng Công ty. Mặt khác, Công ty cũng đang tích cực triển khai các biện pháp thu hồi công nợ cũng như đàm phán đề gia hạn các khoản nợ phải trả đến hạn.

- Ban kiểm soát đồng thuận với các ý kiến ngoại trừ và nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán năm 2023.

+ Các thửa đất số 35D và 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu nằm trong diện tích lô đất đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc thu hồi lại thửa đất và yêu cầu PETROCONS di dời toàn bộ tài sản trên đất. Hiện tại, Công ty chưa bị thu hồi lại và vẫn đóng tiền thuê đất hàng năm. Tuy nhiên, Ngày 08/03/2023 Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh BRVT từ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) ghi nhận vào Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

+ Đối với thửa đất 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Công ty vẫn chưa thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại cho PVC-IC và vẫn đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

+ Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 cùng 106,22 tỷ đồng chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng. Chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên tới báo cáo tài chính.

II. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc:

- Ban Giám đốc đã tổ chức hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ theo đúng các quy chế, quy định của Công ty, phù hợp với Điều lệ của Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

- Ban giám đốc đã chủ động báo cáo, đề xuất, xin ý kiến HĐQT thông qua chủ trương các vấn đề, nội dung công việc thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐQT trong việc quản lý SXKD, đầu tư xây dựng, vay vốn, công tác cán bộ..., đặc biệt là các vấn đề mua sắm, ký kết hợp đồng tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

- Tùy theo tình hình sản xuất từng thời điểm, Giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cho Phó giám đốc để điều hành và quản lý khi giám đốc đi vắng, có sự ủy quyền cho người thay thế điều hành Công ty.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- HĐQT trong năm 2023 đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ phù hợp với Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp hiện hành và thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Trong năm 2023 Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp, đã ban hành 13 Nghị quyết và 11 Quyết định để Ban giám đốc triển khai mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Qua kết quả kiểm soát, giám sát và kiểm toán độc lập Ban kiểm soát đánh giá HĐQT Công ty đã tuân thủ đúng theo Điều lệ, Quy chế, Quy định của Công ty.

IV. Đánh giá công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

- Công ty không cơ cấu bộ phận chuyên trách làm công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Tuy nhiên việc kiểm tra giám sát hoạt động thi công được Công ty chú trọng.

- Trong việc quản trị và cảnh báo sớm rủi ro của Công ty: Phòng Tài chính – Kế toán đã có đánh giá thường xuyên.

V. Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành:

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và BGD. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình Ban kiểm soát đã được HĐQT và BGD tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

VI. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do DOBC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; Giao dịch giữa Công ty với các Công ty mà Thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: *Không có*

VII. Đánh giá rủi ro tiềm ẩn:

1. Rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD cho các kỳ sau:

- Cuối năm 2023, các gói thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã cơ bản hoàn thành, nguồn việc các năm tiếp theo chưa khả quan. Công ty nỗ lực tham gia đấu thầu cạnh tranh rất khốc liệt khả năng trúng thầu thấp vì giá thầu cạnh tranh giữa đơn vị tư nhân và đơn vị ngoài ngành có giá chào thầu thấp; các gói thầu lớn thường là đấu thầu EPC trong nước hoặc quốc tế, năng lực của DOBC không đáp ứng được và chỉ đóng vai trò là thầu phụ đối với gói thầu EPC. Vì vậy, nguồn việc công ty hạn chế dẫn đến giá trị SXKD thấp, không đảm bảo được công việc cho toàn bộ CBCNV cho Công ty.

- Đến thời điểm ngày 31/12/2023 báo cáo Công ty lỗ lũy kế là 160,59 tỷ đồng, Nợ thuế 22,22 tỷ đồng, nợ lương 22,44 tỷ đồng, nợ Ngân hàng 4,49 tỷ đồng, nợ khách hàng 114,08 tỷ đồng; nợ bảo hiểm 10,70 tỷ đồng ... Nguồn tài chính hạn chế dẫn đến việc Công ty chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với NSNN, cơ quan BHXH, trợ cấp thôi việc, nợ khách hàng ... các khó khăn trên dẫn đến Công ty bị cưỡng chế thuế, người lao động nghỉ việc từ phương án tái cấu trúc chưa được thanh toán trợ cấp thôi việc.

- Công tác thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn dẫn đến số dư công nợ phải thu đến 31/12/2023 cao (218,50 tỷ đồng tăng 19,32 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2023 chiếm 74% trong tổng tài sản). Công nợ tồn đọng lớn khiến Công ty gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản công nợ cũ và các khoản công nợ đến hạn cho nhà cung cấp, tiền lương và các khoản bảo hiểm liên quan của người lao động. Mặt khác đây là công nợ kéo dài từ những năm trước, nếu không thu hồi được đúng hạn sẽ dẫn đến khả năng trích lập dự phòng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và dòng tiền:

Hiện tại Công ty đang mất cân đối tài chính đặc biệt là áp lực phải trả các khoản nợ NSNN, BHXH, Ngân hàng, khách hàng/Nhà cung cấp. (Chi cục thuế TP Vũng Tàu thường xuyên có các văn bản/quyết định cưỡng chế thuế của DOBC và các Xí nghiệp trực thuộc, chế độ chính sách đối với Người lao động chưa được thực hiện đầy đủ và các

khoản vay NH không được trả đúng hạn; Chủ nợ thường xuyên gây áp lực và khởi kiện ra tòa để thu hồi công nợ ... Các khó khăn vướng mắc trên đã ảnh hưởng đến việc duy trì tính liên tục trong hoạt động SXKD và sẽ phức tạp theo thời gian nếu Công ty không được Chủ đầu tư/Tổng thầu Dự án TB2 hỗ trợ giải phóng các khoản công nợ đến hạn/quá hạn được thanh toán).

3. Cảnh báo sớm các rủi ro của Công ty:

- Năng lực và khả năng cạnh tranh trên thị trường của Công ty còn hạn chế về thiết bị thi công, tiềm lực tài chính, kinh nghiệm quản lý, nhân lực... Trong khi Công ty vẫn bị lỗ lũy kế, năm 2024 Công ty sẽ phải đối mặt với nguy cơ thiếu hụt về vốn để phục vụ các hoạt động SXKD.

- Hiện nay, giá trị sản lượng, doanh thu của Công ty vẫn phụ thuộc vào các hợp đồng kinh tế của dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, trong khi đó, tại dự án này tồn đọng tiền thanh toán khối lượng quá nhiều, khối lượng dở dang còn lớn, công tác nghiệm thu thanh toán gặp rất nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động SXKD, ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của Công ty trong thời gian tới.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Công ty:

1. Về công tác xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Trên cơ sở các chỉ tiêu thực hiện năm 2023 và đánh giá khả năng thực hiện trong tương lai, Công ty cần xây dựng kế hoạch sản lượng doanh thu, chi phí, lợi nhuận, nhân sự, quỹ lương và các chỉ tiêu tài chính khác một cách khả thi cho năm 2024. Cần xem xét, đánh giá các yếu tố rủi ro để lập kế hoạch cho chỉ tiêu chi phí dự phòng trong kế hoạch chi phí hàng năm, xác định mức lãi gộp để lập kế hoạch Doanh thu, Sản lượng.

- Đối với kế hoạch thực hiện chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty hàng năm, công ty cần thực hiện các khoản chi phí chi không vượt quá theo Quyết định phê duyệt của HĐQT.

2. Về công tác tài chính- kế toán:

- Đối với công tác hạch toán kế toán cần tăng cường theo dõi, phân bổ chi phí SXKD chi tiết theo từng công trình/ từng hợp đồng. Xem xét đánh giá giá trị còn lại của khối lượng dở dang của các công trình/các hợp đồng kinh tế đơn vị đã thực hiện để đảm bảo công tác thanh quyết toán khi kết thúc các hợp đồng kinh tế có lãi theo đúng phương án SXKD đã được Tổng công ty phê duyệt. Bố trí cán bộ chuyên trách để theo dõi, quản lý chi phí. Đối chiếu thường xuyên tổng chi phí với tổng sản lượng thực hiện.

- Cần đối nguồn tiền để ưu tiên chi trả nợ Bảo hiểm xã hội, tiền trợ cấp thất nghiệp để bảo đảm quyền lợi của người lao động, chi nộp thuế GTGT đến hạn và quá hạn để hạn chế tối đa các vi phạm về pháp luật hành chính.

- Phòng TCKT phối hợp các phòng ban Công ty, CNXN giám sát chặt chẽ khâu mua và nhập xuất vật tư tại công trường, bám sát tiến độ thi công tránh tình trạng mua thừa hoặc mua quá lâu trước khi thi công (bị đọng vốn). Rà soát các tài sản không còn sử dụng, kém hiệu quả để thanh lý hoặc cho thuê nhằm bổ sung nguồn tiền SXKD của Công ty.

3. Về công tác tổ chức, hành chính:

- Rà soát lao động toàn Công ty, tiếp tục cơ cấu lại bộ máy quản lý điều hành, tiết giảm chi phí để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Bồi dưỡng, đào tạo lại lao động hiện có (bằng cách tự đào tạo hoặc đào tạo bên ngoài) nhằm nâng cao chất lượng lao động đa năng, có thể đảm nhận nhiều vị trí khác nhau đáp ứng yêu cầu điều chuyển nội bộ một cách linh hoạt.

4. Công tác quản lý, quản trị khác

- Tập trung thu hồi các khoản công nợ phải thu để có vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản gốc vay; khoản phải trả đến hạn; quá hạn cũng như để cải thiện khả năng thanh toán của Công ty. Đồng thời, tăng cường đôn đốc thu hồi, hoàn ứng sớm các khoản công nợ tạm ứng cá nhân đã đến hạn thanh toán. Đặc biệt các khoản nợ quá hạn, cần quyết liệt thu hồi/xử lý dứt điểm công nợ các khách hàng đã đủ điều kiện tránh để lâu dẫn đến thất thoát vốn. Trường hợp các khách hàng có công nợ phải trả không hợp tác, Công ty không thu hồi được nợ xét thấy cần thiết tiến hành khởi kiện/nhờ bên thứ ba hỗ trợ thu hồi.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí quản lý sản xuất, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các dự án, cố gắng đảm bảo tất cả các công trình/Dự án Công ty thi công đều đạt hiệu quả.

- Quyết liệt, đôn đốc và bố trí nhân lực tập trung hoàn tất hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán các hạng mục đã hoàn thành, nhằm thu hồi vốn phục vụ thi công các hạng mục dở dang tại Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.

- Thực hiện kiểm kê khối lượng dở dang đúng quy định, để xác định, đánh giá được hiệu quả của các công trình, dự án mà đơn vị đang thực hiện, tăng cường vai trò kiểm soát chi phí sản xuất dở dang tại các công trình, dự án đang thi công, đồng thời bám sát, bảo vệ quyết toán với chủ đầu tư/tổng thầu không giảm đầu thu, đảm bảo công trình/hạng mục có lãi như tỷ lệ đã phê duyệt.

- Tiếp tục nghiên cứu các phương án/ giải pháp tái cơ cấu ngắn và dài hạn các mặt hoạt động của Công ty phù hợp với định hướng của Tổng Công ty để từng bước ổn định hoạt động của Công ty trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

IX. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Cổ đông lớn PETROCONS:

- Đề nghị cổ đông lớn PETROCONS hỗ trợ và thu xếp thanh toán các công nợ cũ, và thanh toán kịp thời các hồ sơ thanh toán hoàn thành trong thời gian tới tạo thuận lợi để DOBC thực hiện được các khối lượng công việc tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Hoàn tất thanh quyết toán các hạng mục thi công hoàn thành Dự án, tạo thuận lợi cho Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước, trả tiền Bảo hiểm, trả lương CBCNV, trả nợ khách hàng, đảm bảo năng lực đấu thầu của Công ty nhằm tăng hiệu quả quản lý, điều hành SXKD của đơn vị.

- Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện cho DOBC trong việc tiếp cận các dự án mới.

- Hỗ trợ DOBC thu hồi công nợ tại PVC-MS, xử lý dứt điểm công nợ giữa PVC-MS và DOBC.

PHẦN III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của HĐQT và Ban Giám đốc. Giám sát việc thực hiện, tuân thủ chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

- Thẩm định Báo cáo kết quả SXKD của Công ty; Báo cáo tài chính sau kiểm toán.
- Tiếp tục giám sát việc thực hiện quy trình tái cơ cấu Công ty theo đề án đã được HĐQT Công ty ban hành. Kiểm tra giám sát công tác nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả tiền lương và thu nhập.
- Kiểm tra công tác sử dụng vốn đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích để bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Đề xuất ý kiến HĐQT, Ban giám đốc về công tác quản lý điều hành và kinh doanh của Công ty trên cơ sở kết quả kiểm tra.
- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông, theo quy định của pháp luật.
- Tham dự các cuộc họp HĐQT và giao ban của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý điều hành có kiến nghị kịp thời cho HĐQT và Ban Giám đốc.
- Tham gia phối hợp với các đoàn kiểm tra kiểm soát của Tập đoàn, Tổng Công ty và các cơ quan nhà nước khi có yêu cầu.
- Phối hợp Ban Lãnh đạo thống nhất với PVC-IC về kế hoạch bàn giao và xây dựng kế hoạch sử dụng văn phòng làm việc của đơn vị sau khi bàn giao khu đất 35D - đường 30/4 – TP. Vũng Tàu cho tỉnh BRVT

Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PETROCONS (để b/c);
- HĐQT, Ban GD DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Phượng

PHỤ LỤC
TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

I. QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023.

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, cụ thể tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2023 là 212.637.000 đồng, đạt 101% kế hoạch được duyệt.

DVT: VND

TT	Họ và tên	Chức danh	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Phương	Trưởng Ban	180.905.000	184.819.000	Kế hoạch tiền lương năm 2023 của bà Nguyễn Thị Phương áp dụng Hệ số cơ bản 5.65 và Hệ số lương chức danh 9.5 (Hệ số lương của Trưởng ban kiểm soát). Tuy nhiên, tại Đại hội Công đoàn Công ty DOBC ngày 23/3/2023, bà Nguyễn Thị Phương được bầu giữ chức Chủ tịch Công đoàn, theo quy định của Công ty khi cán bộ kiêm nhiệm nhiều chức danh sẽ áp dụng mức lương của chức danh cao hơn và từ tháng 4/2023 bà Nguyễn Thị Phương được áp dụng hệ số lương cơ bản 5.98. Do đó, tiền lương của bà Nguyễn Thị Phương vượt so với kế hoạch.
3	Bà Vũ Thị Châm	TV BKS	29.000.000	27.818.000	
4	Ông Nguyễn Mậu Thơ	TV BKS			Lương là CV P. KTKT, không hưởng thù lao kiêm nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ
	TỔNG CỘNG		209.905.000	212.637.000	

II. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2024

- Căn cứ số lượng thành viên của Ban kiểm soát theo Điều lệ quy định và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2024 của DOBC;

- Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của các cấp và ban ngành có liên quan;

- Do tình hình công việc trong năm 2024 sẽ còn gặp nhiều khó khăn, nên đề xuất việc chi trả thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát như sau:

1- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách làm việc tại Công ty hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng tại Công ty; các văn bản hướng dẫn khác của PETROCONS và hiệu quả hoạt động SXKD tại Công ty áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

2- Đối với thành viên BKS kiêm nhiệm không hưởng lương Công ty: 2.000.000 đ/người/tháng.

3- Đối với thành viên BKS hưởng lương Công ty thì không nhận thù lao kiêm nhiệm.

- Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động của BKS năm 2024 là:

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên	Thù lao kiêm nhiệm năm 2024	Tiền lương năm 2024	Ghi chú
1	Trưởng BKS		215.177.000	
2	Thành viên BKS			Lương là CV P. KTKT, không hưởng thù lao kiêm nhiệm
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	24.000.000		
	Tổng cộng	24.000.000	215.177.000	

Số: /TTtr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 của HĐQT và Ban Kiểm soát



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 23/6/2021;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ lao động-thương binh và Xã hội về việc: Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án chi trả tiền lương, thù lao năm 2023 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

I. Quyết toán tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023 (Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023): 552.152.000 đồng

1. Tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị: 339.515.000 đồng, trong đó:

- Tổng tiền lương, thù lao của HĐQT: 253.470.000 đồng
- Tổng thù lao HĐQT độc lập: 60.545.000 đồng
- Tổng thù lao HĐQT kiêm nhiệm: 25.500.000 đồng

2. Tiền lương, thù lao cho Ban kiểm soát: 212.637.000 đồng, trong đó:

- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát: 184.819.000 đồng
- Tổng thù lao của BKS kiêm nhiệm: 27.818.000 đồng

II. Phương án chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024:

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và số lượng thành viên Ban kiểm soát theo điều lệ quy định và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;

Do tình hình công việc trong năm 2024 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nên HĐQT đề xuất việc chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

1- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách làm việc chế độ thường xuyên tại Văn phòng Công ty hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng tại Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD của đơn vị và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động - thương binh và Xã hội.

2- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm:

- Giao HĐQT thỏa thuận với các Thành viên HĐQT và Thành viên Ban kiểm soát đã được hưởng lương của Công ty để không chi trả thù lao.

- Chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT và Thành viên Ban kiểm soát không hưởng lương của Công ty:

+ Thành viên HĐQT: **5 triệu** đồng/người/tháng.

+ Thành viên Ban kiểm soát: **2 triệu** đồng/người/tháng.

3- Tiền lương, thù lao của thành viên độc lập HĐQT:

- Trường hợp Thành viên HĐQT làm việc thường xuyên theo chế độ làm việc của Công ty được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với Thành viên HĐQT chuyên trách là Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại DOBC.

- Trường hợp Thành viên làm việc không thường xuyên tại cơ quan Công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao là **5.000.000** đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua để Công ty làm cơ sở thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- PETROCONs (để b/c);
- HĐQT, BKS, BGĐ DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Sỹ Hoàng

BẢNG QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THỦ LẠO CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2023

ĐVT : VNĐ

TT	Họ và tên Người đại diện	Chức danh	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh so với kế hoạch		Ghi chú
					Số tiền	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6=5-4	7=5/4	8
I	Hội đồng quản trị						
I.1	Chuyên trách						
1	Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch HĐQT (Từ T01/2023-T12/2023)	256,137	236,383	(19,754)	92.29%	
2	Trần Vũ Phương	TV HĐQT (Từ 07/12/2023)		17,087			
I.2	Kiểm nhiệm						
1	Nguyễn Hoài Nam	TV HĐQT (Từ T01/2023-T04/2023)	65,000	25,500	(39,500)	39.2%	Hưởng lương Ban điều hành
2	Trần Vũ Phương	TV HĐQT kiêm Giám đốc (Từ 28/04/2023-07/12/2023)					
I.3	Thủ lao Thành viên độc lập HĐQT						
1	Lê Hưng	TV HĐQT độc lập (Từ T01/2023-T12/2023)	65,000	60,545	(4,455)	93.1%	
	Tổng cộng (I)		386,137	339,515	(63,709)	87.9%	
II	Ban kiểm soát						
1	Nguyễn Thị Phương	Trưởng BKS (T01-T12)	180,905	184,819	3,914	102.2%	
2	Nguyễn Mậu Thơ	Thành viên BKS (T01-T12)	29,000	27,818	(1,182)	96%	Lương là CV P. KTKT, không hưởng thù lao kiêm nhiệm
3	Vũ Thị Châm	Thành viên BKS (Từ T01-T12)	209,905	212,637	2,732	101%	
	Tổng cộng (II)		596,042	552,152	(60,977)	92.6%	

Ngày tháng 04 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập

TỔNG CÔNG TY
CÓ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÈ CHỨA DẦU KHÍ

Phụ lục số 2

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

TT	Chức danh/ Vị trí công việc	Hệ số lương		Mức phụ cấp			Qtqb (1.000đ) (1 tháng)	Qpc (1.000đ)	Qtlhq (1.000đ)	Qtqb (1.000đ) (1 tháng)	Qtkh (1.000đ)	Ghi chú	
		Lương cơ bản	Lương CD (T1-T12)	Hệ số phụ cấp cơ bản	Phụ cấp thu hút (%)	Phụ cấp kiểm nhiệm (1.000đ)							Thưởng an toàn (1000 đ)
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Hội đồng quản trị												
1	Chủ tịch HĐQT	7.3	15					122,640	149,625		22,689	272,265	
2	TV HĐQT	6.31	13.5					106,008	134,663		20,056	240,671	
3	Thành viên độc lập HĐQT						5,000				5,000	60,000	
II	Ban kiểm soát												
1	Trưởng BKS	5.98	11.5					100,464	114,713		17,931	215,177	Lương là CV Phòng, không hưởng thù lao kiêm nhiệm
2	Thành viên BKS											-	
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm						2,000				2,000	24,000	
	Tổng cộng							329,112	399,000	-	67,676	812,112	

Ngày tháng 04 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TT- HĐQT

Vũng Tàu, ngày... .. tháng .. năm 2024



TỜ TRÌNH

v/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần xây lắp đường ống bể chứa Dầu Khí;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 28/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí (DOBC) đã lựa chọn Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của DOBC (Đính kèm theo báo cáo).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Sỹ Hoàng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

10/10/2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-TCT ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 963/QĐ-XLĐK ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3500833615 được cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 bởi Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 35G đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch	
Ông Lê Hưng	Thành viên độc lập	
Ông Trần Vũ Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Thu	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08/12/2023)
Ông Trần Vũ Phương	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 08/12/2023)
Ông Mai Đình Bảo	Phó Giám đốc	
Ông Huỳnh Đình Việt	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Đức Long	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 21/09/2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm là Ông Trần Vũ Phương, đến ngày 08 tháng 12 năm 2023 người đại diện theo pháp luật của Công ty đã được thay đổi là Ông Phạm Văn Thu (Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Phương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Mậu Thơ	Thành viên
Bà Vũ Thị Châm	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Văn Thu

Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí được lập ngày 27 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các thửa đất số 35D và 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu nằm trong diện tích lô đất đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc thu hồi lại thửa đất và yêu cầu PETROCONS di dời toàn bộ tài sản trên đất. Hiện tại, Công ty chưa bị thu hồi lại và vẫn đóng tiền thuê đất hàng năm.

Tuy nhiên, Ngày 08/03/2023 Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu từ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC - IC) ghi nhận vào Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền VND	Thuyết minh
Giảm nguyên giá tài sản cố định hữu hình	222	2.829.477.273	10
Giảm giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	223	1.752.450.420	10
Giảm nguyên giá tài sản cố định vô hình	228	4.988.704.545	11
Giảm giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	229	3.089.778.308	11
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	31	4.842.228.728	25
Chi phí bồi thường	32	2.908.943.070	26

Đối với thửa đất 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Công ty vẫn chưa thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại cho PVC-IC và vẫn đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền VND	Thuyết minh
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	228	4.407.000.000	11
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	229	3.525.600.000	11

Giá trị các khoản công nợ phải trả chưa có đầy đủ xác nhận công nợ tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 cùng là 11,67 tỷ VND.

Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 cùng là 106,22 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.

Chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên tới báo cáo tài chính đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính tới các sự kiện được nêu ở Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính kèm theo vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



Phạm Anh Tuấn
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số: 0777-2023-002-1
 Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Hoàng Thúy Nga
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số: 0762-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		261.887.929.357	267.089.942.891
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.284.300.598	2.544.740.176
111	1. Tiền		1.284.300.598	2.544.740.176
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		218.506.382.985	199.182.003.870
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	213.623.731.067	194.105.515.366
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.313.461.205	1.568.376.900
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	35.165.807.897	35.064.952.180
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(31.596.617.184)	(31.556.840.576)
140	III. Hàng tồn kho	8	40.459.702.158	63.711.600.933
141	1. Hàng tồn kho		51.276.557.860	74.536.202.883
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.816.855.702)	(10.824.601.950)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.637.543.616	1.651.597.912
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	40.285.917	54.340.213
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.397.673.282	1.397.673.282
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	199.584.417	199.584.417
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.516.690.209	37.706.430.233
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	56.850.300
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	56.850.300
220	II. Tài sản cố định		34.390.416.075	37.614.996.515
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	33.509.016.075	34.297.414.706
222	- Nguyên giá		127.848.110.632	128.834.440.105
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(94.339.094.557)	(94.537.025.399)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	881.400.000	3.317.581.809
228	- Nguyên giá		4.596.062.000	9.584.766.545
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.714.662.000)	(6.267.184.736)
260	III. Tài sản dài hạn khác		126.274.134	34.583.418
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	126.274.134	34.583.418
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		296.404.619.566	304.796.373.124

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		241.858.305.074	251.261.741.838
310	I. Nợ ngắn hạn		240.860.276.156	251.152.941.838
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	114.092.665.505	127.355.177.906
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	31.257.238.271	32.672.521.218
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	22.223.716.517	18.838.437.238
314	4. Phải trả người lao động		22.438.401.412	14.190.704.698
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	26.411.446.321	25.870.503.111
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	19.597.945.966	18.355.633.269
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	4.490.012.426	13.521.114.660
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		348.849.738	348.849.738
330	II. Nợ dài hạn		998.028.918	108.800.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	-	108.800.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		54.546.314.492	53.534.631.286
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	54.546.314.492	53.534.631.286
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		150.826.415	150.826.415
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.984.594.051	14.984.594.051
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(160.589.105.974)	(161.600.789.180)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(161.600.789.180)	(162.234.067.839)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		1.011.683.206	633.278.659
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		296.404.619.566	304.796.373.124

Đặng Thị Ngọc
Người lập biểu

Đàm Quang Hưng
Phụ trách Phòng TC - KT

Phạm Văn Thu
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	99.614.555.082	100.837.764.783
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		99.614.555.082	100.837.764.783
11	3. Giá vốn hàng bán	21	82.771.868.192	84.432.676.764
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.842.686.890	16.405.088.019
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	103.856.729	49.004.135
22	6. Chi phí tài chính	23	861.255.518	2.647.428.834
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		861.255.518	2.647.428.834
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	11.747.391.566	12.848.767.665
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.337.896.535	957.895.655
31	9. Thu nhập khác	25	4.847.829.461	594.987.517
32	10. Chi phí khác	26	8.174.042.790	919.604.513
40	11. Lợi nhuận khác		(3.326.213.329)	(324.616.996)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.011.683.206	633.278.659
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1.011.683.206</u>	<u>633.278.659</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	51	32

Đặng Thị Ngọc
Người lập biểu

Đàm Quang Hưng
Phụ trách Phòng TC - KT

Phạm Văn Thu
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.011.683.206	633.278.659
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.091.775.150	3.010.529.886
03	- Các khoản dự phòng		32.030.360	(182.411.542)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.946.085.457)	(597.648.239)
06	- Chi phí lãi vay		861.255.518	2.647.428.834
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(949.341.223)	5.511.177.598
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.489.123.605)	(1.854.607.484)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		23.259.645.023	639.350.187
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(346.494.591)	14.625.573.359
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(77.636.420)	25.633.175
14	- Tiền lãi vay đã trả		(778.295.457)	(2.569.051.207)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.618.753.727	16.378.075.628
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.843.147.800)	652.634.532
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		103.856.729	49.004.135
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.739.291.071)	701.638.667
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		9.151.668.033	19.361.301.025
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(18.291.570.267)	(37.411.218.544)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.139.902.234)	(18.049.917.519)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.260.439.578)	(970.203.224)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.544.740.176	3.514.943.400
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.284.300.598	2.544.740.176

Đặng Thị Ngọc
Người lập biểu

Đàm Quang Hưng
Phụ trách Phòng TC - KT

Phạm Văn Thu
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-TCT ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 963/QĐ-XLDK ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3500833615 được cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 bởi Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Số 35G đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 VND, tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 114 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 134 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng công trình.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là

- Xây dựng công trình đường ống, bồn bể chứa, thi công các công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, dẫn xăng, dẫn dầu, dẫn nước,...
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, lắp đặt hệ thống điện
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa, chống ăn mòn các công trình dầu khí.
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ các hoạt động kinh doanh chính là xây lắp và cung cấp các sản phẩm công nghiệp cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí và giao dịch trả lại tài sản cố định. Trong năm Công ty chủ yếu được nghiệm thu khối lượng hoàn thành các công trình cũ với Tổng Công ty với tổng doanh thu giảm nhẹ 1,2 tỷ VND tương đương mức giảm 1,2 %. Đồng thời, cùng với việc hạn chế chi phí lãi vay đã làm lợi nhuận năm nay của Công ty tăng lên 1,01 tỷ VND.

Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số lỗ lũy kể đến 31/12/2023 là 160,59 tỷ VND, tương ứng 80,3% vốn góp của chủ sở hữu; nợ quá hạn chưa thanh toán là 87,69 tỷ VND (xem thuyết minh số 13 và 16); nợ thuế quá hạn chưa thanh toán là 21,57 tỷ VND (xem thuyết minh số 14); nợ phải trả lớn gấp 4,32 lần vốn chủ sở hữu. Toàn công ty đều bị cưỡng chế thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quyết định số 70/QĐ-CTBRV của Tổng cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 03/01/2024. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện nhiều hợp đồng lớn, đặc biệt tại dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 với tổng thầu EPC là Tổng Công ty. Mặt khác, Công ty cũng đang tích cực triển khai các biện pháp thu hồi công nợ cũng như đàm phán để gia hạn các khoản nợ phải trả đến hạn. Với các giải pháp đang triển khai, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn trong ít nhất 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp xây lắp số 1	Bà Rịa Vũng Tàu	Xây dựng công trình
Xí nghiệp xây lắp số 2	Bà Rịa Vũng Tàu	Xây dựng công trình
Xí nghiệp xây lắp số 3	Bà Rịa Vũng Tàu	Xây dựng công trình
Xí nghiệp xây lắp số 5 (*)	Bà Rịa Vũng Tàu	Xây dựng công trình

(*) Theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 13/04/2017 của Hội đồng quản trị Công ty, Xí nghiệp xây lắp số 5 đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	10 năm

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quý) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	14.489.723	23.958.218
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.269.810.875	2.520.781.958
	<u>1.284.300.598</u>	<u>2.544.740.176</u>

4 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	128.645.910.157	(1.099.026.063)	100.681.068.997	(1.099.026.063)
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	111.782.418.708	(36.298.833)	83.402.726.668	(36.298.833)
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	15.800.764.219	-	16.215.615.099	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.062.727.230	(1.062.727.230)	1.062.727.230	(1.062.727.230)
Bên khác	84.977.820.910	(1.575.285.858)	93.424.446.369	(1.575.285.858)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	74.894.136.387	-	89.709.694.672	-
Các khách hàng khác	10.083.684.523	(1.575.285.858)	3.714.751.697	(1.575.285.858)
	<u>213.623.731.067</u>	<u>(2.674.311.921)</u>	<u>194.105.515.366</u>	<u>(2.674.311.921)</u>

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Đức Minh	262.654.352	(262.654.352)	262.654.352	(262.654.352)
Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Xây dựng Thương mại Quang Minh	326.480.000	(326.480.000)	326.480.000	(326.480.000)
Công ty luật TNHH Hùng Phi	-	-	250.000.000	-
Các khách hàng khác	724.326.853	(174.151.554)	729.242.548	(174.151.554)
	<u>1.313.461.205</u>	<u>(763.285.906)</u>	<u>1.568.376.900</u>	<u>(763.285.906)</u>

6 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về tạm ứng	1.379.047.240	-	1.455.560.762	-
Ký cược, ký quỹ	1.724.412.373	-	1.501.964.294	-
Phải thu khác	32.062.348.284	(28.159.019.357)	32.107.427.124	(28.119.242.749)
- Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
- Các đối tượng khác	5.647.954.707	(1.744.625.780)	5.693.033.547	(1.704.849.172)
	35.165.807.897	(28.159.019.357)	35.064.952.180	(28.119.242.749)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	-	-	56.850.300	-
	-	-	56.850.300	-
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	62.118.449	(62.118.449)	62.118.449	(62.118.449)
	62.118.449	(62.118.449)	62.118.449	(62.118.449)

7 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng	2.674.311.921	-	2.674.311.921	-
Ban Quản lý dự án huyện Côn Đảo	1.128.290.399	-	1.128.290.399	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.062.727.230	-	1.062.727.230	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội	149.346.035	-	149.346.035	-
Các đối tượng khác	333.948.257	-	333.948.257	-
b) Trả trước cho người bán	763.285.906	-	763.285.906	-
c) Phải thu khác	28.159.019.357	-	28.119.242.749	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	-	26.414.393.577	-
Các đối tượng khác	1.744.625.780	-	1.704.849.172	-
	31.596.617.184	-	31.556.840.576	-

8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	962.241.567	(518.154.900)	962.241.567	(525.901.148)
Công cụ, dụng cụ	1.315.164.015	(126.922.432)	1.334.140.557	(126.922.432)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	48.999.152.278	(10.171.778.370)	72.239.820.759	(10.171.778.370)
	51.276.557.860	(10.816.855.702)	74.536.202.883	(10.824.601.950)

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	44.782.440.314	66.556.187.541
Công trình Ethanol Phú Thọ	392.707.612	392.707.612
Công trình Nam Côn Sơn 2	-	1.498.921.254
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	3.739.481.748	3.739.481.748
Các công trình khác	84.522.604	52.522.604
	48.999.152.278	72.239.820.759

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.327.272	33.730.061
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	38.958.645	20.610.152
	40.285.917	54.340.213
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	15.870.918
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	124.306.542	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.967.592	18.712.500
	126.274.134	34.583.418

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cừa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	53.495.246.908	32.267.533.583	42.516.717.008	554.942.606	128.834.440.105					
- Mua trong năm	1.843.147.800	-	-	-	1.843.147.800					
- Thanh lý, nhượng bán (i)	(2.829.477.273)	-	-	-	(2.829.477.273)					
Số dư cuối năm	52.508.917.435	32.267.533.583	42.516.717.008	554.942.606	127.848.110.632					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	19.700.654.851	32.053.704.910	42.227.723.032	554.942.606	94.537.025.399					
- Khấu hao trong năm	1.234.188.677	195.029.937	125.300.964	-	1.554.519.578					
- Thanh lý, nhượng bán (i)	(1.752.450.420)	-	-	-	(1.752.450.420)					
Số dư cuối năm	19.182.393.108	32.248.734.847	42.353.023.996	554.942.606	94.339.094.557					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	33.794.592.057	213.828.673	288.993.976	-	34.297.414.706					
Tại ngày cuối năm	33.326.524.327	18.798.736	163.693.012	-	33.509.016.075					

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 67.577.264 VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.992.546.936 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 80.705.655.480 VND).

(i) Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao tài sản trên đất tại địa chỉ số 36D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu từ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC - IC) theo biên bản thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT ngày 17/01/2023.

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.395.704.545	189.062.000	9.584.766.545
- Thanh lý, nhượng bán (i)	(4.988.704.545)	-	(4.988.704.545)
Số dư cuối năm	4.407.000.000	189.062.000	4.596.062.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.078.122.736	189.062.000	6.267.184.736
- Khấu hao trong năm	537.255.572	-	537.255.572
- Thanh lý, nhượng bán (i)	(3.089.778.308)	-	(3.089.778.308)
Số dư cuối năm	3.525.600.000	189.062.000	3.714.662.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.317.581.809	-	3.317.581.809
Tại ngày cuối năm	881.400.000	-	881.400.000

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 189.062.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 189.062.000 VND).

- (i) Quyền sử dụng đất và dịch vụ trên đất của thửa đất 35D, 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã bị thu hồi theo quyết định số 3339/QĐ-UBND được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt ngày 28 tháng 10 năm 2022. Trong năm, Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu từ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC - IC) theo biên bản thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT ngày 17/01/2023. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2023 là quyền sử dụng đất của thửa đất 35G.

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan	30.288.186.241	31.793.469.188
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	30.288.186.241	31.793.469.188
Bên khác	969.052.030	879.052.030
Công ty CP Dịch vụ Di động Trực Tuyến	628.197.230	728.197.230
Các đối tượng khác	340.854.800	150.854.800
	31.257.238.271	32.672.521.218

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	2.576.740.619	2.576.740.619	8.772.465.744	8.772.465.744
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	455.511.225	455.511.225	75.345.122	75.345.122
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	2.032.683.453	2.032.683.453	8.136.367.321	8.136.367.321
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	88.545.941	88.545.941	88.545.941	88.545.941
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	-	462.338.380	462.338.380
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	-	-	9.868.980	9.868.980
Bên khác	111.515.924.886	111.515.924.886	118.582.712.162	118.582.712.162
Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)	26.995.000.000	26.995.000.000	27.245.000.000	27.245.000.000
Công ty CP Xây lắp và Thương mại Kỹ thuật Long Thành	11.423.947.476	11.423.947.476	17.540.135.645	17.540.135.645
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng FECON	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220
Các người bán khác	66.907.452.190	66.907.452.190	67.608.051.297	67.608.051.297
	<u>114.092.665.505</u>	<u>114.092.665.505</u>	<u>127.355.177.906</u>	<u>127.355.177.906</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Thương mại Dầu khí	26.995.000.000	26.995.000.000	27.245.000.000	27.245.000.000
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng FECON	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220
Các người bán khác	43.095.094.307	43.095.094.307	57.026.450.926	57.026.450.926
	<u>76.279.619.527</u>	<u>76.279.619.527</u>	<u>90.460.976.146</u>	<u>90.460.976.146</u>

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	17.411.649.523	5.211.236.153	2.341.415.872	-	20.281.469.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.584.417	-	-	-	199.584.417	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	473.486.105	582.370.245	-	-	1.055.856.350
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	139.620.939	431.239.897	498.151.144	-	72.709.692
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	655.095.955	3.000.000	3.000.000	-	655.095.955
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	158.584.716	-	-	-	158.584.716
	199.584.417	18.838.437.238	6.227.846.295	2.842.567.016	199.584.417	22.223.716.517

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tại thời điểm 31/12/2023, số tiền thuế và các khoản phải nộp khác đã quá thời hạn nộp là: 21.568.636.580 VND.

Tại thời điểm 31/12/2023, các xí nghiệp của Công ty đều đang trong tình trạng bị cưỡng chế sử dụng hóa đơn.

Toàn công ty đều bị cưỡng chế thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quyết định số 70/QĐ-CTBRV của Tổng cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 03/01/2024.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	462.518.386	379.558.325
Chi phí thi công công trình	21.927.936.122	21.115.592.522
- Nhà máy lọc dầu Dung Quất	5.912.000.000	5.912.000.000
- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	2.130.794.340	2.130.794.340
- Kho LPG Thị Vải	4.238.278.628	4.238.278.628
- Công trình khác	9.646.863.154	8.834.519.554
Chi phí phải trả khác	4.020.991.813	4.375.352.264
	26.411.446.321	25.870.503.111

16 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.995.114.514	1.211.998.473
Bảo hiểm xã hội	5.506.726.275	5.968.030.599
Bảo hiểm y tế	953.324.051	884.199.511
Bảo hiểm thất nghiệp	336.231.003	271.012.442
Cổ tức lợi nhuận phải trả	55.732.640	55.732.640
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.750.817.483	9.964.659.604
- Phải trả cơ quan bảo hiểm	4.118.909.554	2.960.634.582
- Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
- Các khoản khác	5.297.089.144	5.669.206.237
	19.597.945.966	18.355.633.269
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	998.028.918	-
	998.028.918	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Bảo hiểm xã hội	9.206.362.585	5.968.030.599
Bảo hiểm y tế	689.412.985	884.199.511
Bảo hiểm thất nghiệp	130.903.714	271.012.442
Cổ tức phải trả	55.732.640	55.732.640
Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
	11.417.230.709	8.513.793.977
Trong đó: Bên liên quan		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	13.000.000	13.000.000
	13.000.000	13.000.000

17 VAY

	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (i)				
Vay ngắn hạn	13.212.514.660	13.212.514.660	9.151.668.033	18.088.570.267
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	308.600.000	308.600.000	108.800.000	203.000.000
	13.521.114.660	13.521.114.660	9.260.468.033	18.291.570.267
b) Vay dài hạn				
Vay dài hạn	417.400.000	417.400.000	-	203.000.000
	417.400.000	417.400.000	-	203.000.000
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(308.600.000)	(308.600.000)	(108.800.000)	(203.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	108.800.000	108.800.000		

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	Theo từng khế ước	1 năm	Năm 2024	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Thế chấp (*)	4.275.612.426	13.212.514.660
Vay các cá nhân	12,00%	1 năm	Năm 2024	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Tin chấp	1.705.612.426	12.234.014.660
						2.570.000.000	978.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả							
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	11,00%	7 năm	29/06/2024	Đầu tư mua máy móc thiết bị	Thế chấp (*)	214.400.000	308.600.000
						214.400.000	308.600.000
						4.490.012.426	13.521.114.660

(*) Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(162.234.067.839)	52.901.352.627	
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	633.278.659	633.278.659	
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(161.600.789.180)	53.534.631.286	
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(161.600.789.180)	53.534.631.286	
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.011.683.206	1.011.683.206	
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(160.589.105.974)	54.546.314.492	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND		VND	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000	51,00%
Các cổ đông khác	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000	49,00%
	<u>200.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	55.732.640	55.732.640
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	55.732.640	55.732.640

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.984.594.051	14.984.594.051
	<u>14.984.594.051</u>	<u>14.984.594.051</u>

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
USD	492,37	492,37

20 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	97.655.270.272	98.873.626.762
Doanh thu khác	1.959.284.810	1.964.138.021
	99.614.555.082	100.837.764.783
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	97.840.370.952	81.773.486.247

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	82.397.632.089	84.024.343.679
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.746.248)	-
Giá vốn khác	381.982.351	408.333.085
	82.771.868.192	84.432.676.764

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	103.856.729	49.004.135
	103.856.729	49.004.135

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	861.255.518	2.647.428.834
	861.255.518	2.647.428.834

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	6.579.675.514	6.858.406.267
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	79.876.000	48.900.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.423.953.074	2.127.398.594
Thuế, phí và lệ phí	290.046.932	1.509.740.834
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	39.776.608	(182.411.542)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.544.574.789	1.452.515.693
Chi phí khác bằng tiền	789.488.649	1.034.217.110
	11.747.391.566	12.848.767.665
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	874.584.897	-

25 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.842.228.728	548.644.104
Tiền phạt thu được	-	9.000.000
Thu nhập khác	5.600.733	37.343.413
	4.847.829.461	594.987.517

26 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản bị phạt (i)	7.581.770.730	841.109.941
Các khoản khác	592.272.060	78.494.572
	8.174.042.790	919.604.513

(i) Trong đó, căn cứ theo biên bản thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT ngày 17/01/2023 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC – IC) thống nhất giá trị mà công ty phải bồi thường do sử dụng dịch vụ tại địa chỉ 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là 2.908.943.070 VND.

27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.011.683.206	633.278.659
Các khoản điều chỉnh tăng	7.581.770.730	1.469.479.568
- Các khoản bị phạt	7.581.770.730	841.109.941
- Chi phí lãi vay không được trừ	-	628.369.627
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.593.453.936	2.102.758.227
Chuyển lỗ các năm trước	(8.593.453.936)	(2.102.758.227)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(199.584.417)	(199.584.417)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(199.584.417)	(199.584.417)

28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.011.683.206	633.278.659
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.011.683.206	633.278.659
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	51	32

Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành trên lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.351.481.948	10.659.859.163
Chi phí nhân công	52.667.895.599	39.910.474.598
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	79.876.000	48.900.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.091.775.150	3.010.529.886
Thuế, phí và lệ phí	290.046.932	1.509.740.834
Chi phí dự phòng	39.776.608	(182.411.542)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.332.338.832	33.918.381.414
Chi phí khác bằng tiền	1.433.146.456	5.103.102.637
	71.286.337.525	93.978.577.699

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Dầu khí Đồng Đô	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Thành viên cùng Tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	97.840.370.952	- 81.773.486.247
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	97.840.370.952	80.859.817.550
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí		913.668.697
Chi phí quản lý doanh nghiệp	874.584.897	-
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	874.584.897	-

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Ông Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/03/2022)	-	57.998.063
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 28/03/2022 và miễn nhiệm ngày 29/11/2022)	-	99.709.891
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 29/11/2022)	216.684.092	21.721.591
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)	25.500.000	30.000.000
Ông Lê Hưng	Thành viên HĐQT	55.500.000	30.000.000
Ông Trần Vũ Phương	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/12/2023)	207.809.210	224.538.263
	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)		
Ông Phạm Văn Thu	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 08/12/2023)	-	19.746.901
Ông Mai Đình Bảo	Phó Giám đốc	186.188.717	199.983.109
Ông Vũ Đức Long	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21/09/2023)	113.923.848	288.157.060
Ông Phạm Quốc Trung	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/05/2022)	-	84.239.261
Ông Huỳnh Đình Việt	Phó Giám đốc	172.390.182	115.383.212
Bà Nguyễn Thị Phương	Trưởng Ban Kiểm soát	169.417.427	167.540.119
Bà Hoàng Phương Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 19/07/2022)	-	100.562.548
Ông Nguyễn Mậu Thơ	Thành viên Ban Kiểm soát	124.327.817	130.754.774
Bà Vũ Thị Châm	Thành viên Ban Kiểm soát	25.500.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đặng Thị Ngọc
Người lập biểu

Đàm Quang Hưng
Phụ trách Phòng TC - KT

Phạm Văn Thu
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2024

TỔNG CÔNG TY
CÔ PHÂN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng 04 năm 2024

Số: /TTr – DOBC



TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán độc lập hàng đầu sau làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD, BKS PETROCONS (để b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Phượng

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên độc lập HĐQT và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2021;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty DOBC ngày 25/4/2024 của ông Lê Hưng;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty DOBC ngày 25/4/2024 của ông Nguyễn Mậu Thơ.

Để đáp ứng nguyện vọng cá nhân của ông Lê Hưng và ông Nguyễn Mậu Thơ và để hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát DOBC được duy trì ổn định phù hợp với Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị Công ty DOBC kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc miễn nhiệm:

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đối với ông Lê Hưng;
- Thành viên Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Mậu Thơ.

Hội đồng quản trị Công ty DOBC kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGĐ PETROCONS (để b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Sỹ Hoàng

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua bầu bổ sung Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2021;

Căn cứ đơn xin từ nhiệm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị DOBC của ông Lê Hưng;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty DOBC của ông Nguyễn Mậu Thơ;

Hội đồng quản trị Công ty DOBC kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua một số nội dung sau:

1. Bầu bổ sung Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029, cụ thể như sau:

1.1. Số lượng Thành viên độc lập HĐQT cần bầu: 01 thành viên.

1.2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT:

- Ứng viên Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14.

- Ứng viên là cổ đông tự ứng cử hoặc đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định của Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2024.

1.3. Danh sách ứng viên được bầu làm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029:

Danh sách ứng viên được tập hợp từ những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên và có đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định tại Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2024.

2. Bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029, cụ thể như sau:

2.1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát cần bầu: 01 thành viên.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bầu làm thành viên Ban kiểm soát:

- Ứng viên Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo Khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14.

- Ứng viên là cổ đông tự ứng cử hoặc đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định của Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2024.

2.3. Danh sách ứng viên được bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029:

Danh sách ứng viên được tập hợp từ những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên và có đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định tại Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PETROCONS (để b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Sỹ Hoàng

Vũng Tàu, ngày tháng 04 năm 2024

DỰ THẢO



QUY CHẾ

BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CỦA CÔNG TY CP XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30/6/2021;

Đại hội đồng cổ đông (ĐHDCĐ) thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát theo nội dung dưới đây:

Điều 1. Nguyên tắc và Đối tượng thực hiện bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử:

- Bầu cử đúng luật, đúng Điều lệ và phù hợp các quy định tại quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông.
- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Đối tượng thực hiện bầu cử: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền có quyền biểu quyết (Theo danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 24/4/2024) có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Thành viên độc lập HĐQT phải thỏa mãn các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: (Theo Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14)

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải thỏa mãn các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: *(Theo Khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14)*

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4. Đề cử ứng cử viên HĐQT và số thành viên được bầu

a. Quyền đề cử:

Các cổ đông hoặc tổ chức/ nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử thành viên độc lập HĐQT.

b. Phân bổ số lượng ứng cử viên khi thực hiện quyền đề cử:

Cổ đông hoặc tổ chức/ nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên và từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên (03 ứng viên).

c. Số lượng thành viên độc lập HĐQT cần bầu bổ sung: 01 Thành viên

d. Nhiệm kỳ thành viên độc lập HĐQT: 5 năm (2024-2029)

Điều 5. Đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát và số thành viên được bầu

a. Quyền đề cử:

Các cổ đông hoặc tổ chức/ nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử thành viên Ban kiểm soát.

b. Phân bổ số lượng ứng cử viên khi thực hiện quyền đề cử:

Cổ đông hoặc tổ chức/ nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên và từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên (03 ứng viên).

c. *Số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu bổ sung*: 01 Thành viên

d. *Nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát*: 5 năm (2024-2029)

Điều 6. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu TV độc lập HĐQT, Ban kiểm soát

- Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử của ứng viên tham gia HĐQT hoặc Ban kiểm soát của cá nhân;

- Đơn đề cử vào chức danh thành viên độc lập Hội đồng quản trị và Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (dành cho nhóm cổ đông);

- Bản kê khai lý lịch (theo mẫu);

- Bản sao hợp lệ CCCD/ hộ chiếu;

- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.

Điều 7. Phương thức bầu cử

- Bầu cử thành viên độc lập HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức **bầu dồn phiếu**, công khai và trực tiếp bỏ phiếu kín.

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự được phát một phiếu bầu cử bầu thành viên HĐQT và một phiếu bầu cử bầu Ban kiểm soát. Phiếu bầu có ghi sẵn tên cổ đông, mã số cổ đông sở hữu hoặc đại diện, danh sách các ứng viên được bầu vào thành viên HĐQT, tổng số quyền bầu cử: bằng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm số cổ phần sở hữu và đại diện) nhân với số lượng ứng viên làm thành viên độc lập HĐQT.

- Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên được bầu.

Ví dụ:

Số thành viên dự kiến được bầu HĐQT/Ban kiểm soát là **01 thành viên**, số ứng viên là 05 thành viên.

Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) là **1.000** cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó cổ đông Nguyễn Văn A có tổng số quyền bầu cử là: $1.000 \times 5 = 5.000$ quyền bầu cử.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

- **Phương án 1**: Dồn toàn bộ 5.000 quyền bầu cử cho 01 ứng viên mà cổ đông lựa chọn.

- **Phương án 2**: Chia đều 5.000 quyền bầu cử cho cho 05 ứng viên (tương đương mỗi ứng viên là 1.000 quyền bầu cử của cổ đông Nguyễn Văn A)

- **Phương án 3**: Cổ đông Nguyễn Văn A có quyền phân chia 5.000 quyền bầu cử của mình cho 05 ứng viên theo những tỷ lệ khác nhau, nhưng tổng số quyền bầu cử cho tất cả những ứng viên đó không được vượt quá 5.000 quyền bầu cử.

Điều 5: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Danh sách ứng viên thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát được sắp xếp thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu.

- Phiếu bầu do Ban tổ chức ĐHĐCĐ lần này phát hành, được in thống nhất trên phiếu có ghi tổng số quyền bầu cử.

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông được phát phiếu bầu thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*).

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu khác.

- Cổ đông tiến hành bầu cử thành viên độc lập HĐQT số lượng tối đa là **01 thành viên**.

- Cổ đông tiến hành bầu cử thành viên Ban kiểm soát số lượng tối đa là **01 thành viên**.

- Cổ đông với tổng số quyền bầu cử đã được ghi trên phiếu sẽ phân bổ số quyền bầu cử của mình cho một, một số hoặc tất cả các ứng viên trong danh sách ứng viên HĐQT và ứng viên Ban kiểm soát.

- Nếu cổ đông không bầu cho một ứng viên nào đó thì sẽ gạch bỏ ở ô ghi số phiếu bầu.

- Trên mỗi tờ phiếu bầu, khi cổ đông lựa chọn các ứng viên tham gia HĐQT và ứng viên tham gia Ban kiểm soát thì cổ đông ghi số lượng quyền bầu cử của mình dành cho ứng viên đó và gạch bỏ các ô không ghi. Tổng số quyền bầu cử cổ đông dành cho tất cả các ứng viên không vượt quá số lượng quyền bầu cử của cổ đông được ghi trên phiếu.

Điều 6: Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không phải do Ban kiểm phiếu phát hành;

- Phiếu bầu có dấu hiệu tẩy xóa, sửa nội dung, ghi thêm tên khác (Trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và hủy phiếu cũ);

- Tổng số quyền bầu cử dành cho tất cả các ứng viên cao hơn tổng số quyền bầu cử của cổ đông (bao gồm sở hữu và đại diện) ghi trên phiếu;

- Phiếu bầu gạch bỏ tất cả các ứng viên.

Điều 7: Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu, kiểm phiếu

*** Ban kiểm phiếu:**

- Ban kiểm phiếu do đoàn chủ tịch đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua;

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm: kiểm phiếu biểu quyết các nội dung Đại hội thông qua; hướng dẫn cổ đông phương thức bầu cử; phát phiếu bầu; kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

- Thành viên ban kiểm phiếu là người không có tên trong danh sách các ứng viên được bầu vào HĐQT và các ứng viên được bầu vào Ban kiểm soát.

*** Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:**

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi việc phát phiếu bầu hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên độc lập HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

- Thành viên độc lập HĐQT/Ban kiểm soát trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu từ cao đến thấp cho đến đủ số lượng cần bầu.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu bằng nhau.

Điều 9: Khiếu nại kết quả bầu cử

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản Đại hội.

Điều 10: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 10 điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Nơi nhận:

- Cổ đông DOBC;

- Lưu: VT, HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Sỹ Hoàng

Số: /TB - HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024



THÔNG BÁO

V/v: Đề cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC);

Hội đồng quản trị trân trọng thông báo:

Tại cuộc họp Đại hội cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị (HĐQT) sẽ trình ĐHĐCĐ về việc bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT.

HĐQT thông báo đến toàn thể quý cổ đông về việc đề cử nhân sự dự kiến để bầu làm thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát như sau:

1. Quyền đề cử: Tổ chức/ nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử thành viên độc lập HĐQT. (Do danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 895/2024-PXT/VSDC-ĐK do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 24/4/2024 không có cá nhân nào nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần trở lên).

2. Phân bổ số lượng ứng cử viên khi thực hiện quyền đề cử:

Tổ chức hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên và từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên (03 ứng viên).

3. Số lượng thành viên độc lập HĐQT cần được bầu:

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu là **01 (một) thành viên**.

4. Số lượng thành viên Ban kiểm soát cần được bầu:

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu là **01 (một) thành viên**.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện:

5.1 Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

5.2 Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp.

6. Hồ sơ đề cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát như sau:

- 6.1 Hồ sơ đề cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

- Đơn đề cử vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị - mẫu 01A (dành cho cổ đông là tổ chức);

- Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị - mẫu 02A (dành cho nhóm cổ đông);

- Bản kê khai lý lịch theo mẫu (mẫu 03);

- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.

6.2 Hồ sơ đề cử thành viên độc lập Ban kiểm soát:

- Đơn đề cử vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị - mẫu 03A (dành cho cổ đông là tổ chức);

- Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị - mẫu 04A (dành cho nhóm cổ đông);

- Bản kê khai lý lịch theo mẫu (mẫu 05);

- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.

Quý cổ đông lưu ý: Người được đề cử vào chức danh thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề cử của mình.

6. Thời gian tiếp nhận hồ sơ:

HĐQT kính đề nghị tổ chức/ nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi văn bản đề cử, ứng cử viên về Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí trước 14h00 ngày 20/05/2024 theo địa chỉ sau:

Ban tổ chức Đại hội Cổ đông - Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, số 35G, đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu. Điện thoại: 0254.3835888, Fax: 0254.3835883.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Sỹ Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Kính gửi : Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc Quyết định thành lập số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

Chiếm.....% vốn điều lệ của DOBC

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị tại Điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Luật doanh nghiệp, Chúng tôi thấy mình có đủ điều kiện đề cử ứng viên tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

Chúng tôi đề cử ứng cử viên tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí nhiệm kỳ 2024-2029 để tiến hành bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/5/2024, cụ thể như sau:

Ông (Bà):

CMTND/Hộ chiếu số:Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:) (nếu có).

Chúng tôi xin gửi kèm Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2024

CÓ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Xin lưu ý : Đơn này phải được gửi đến BTC Đại hội trước 14h00 ngày 20/5/2024 theo địa chỉ: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí số 35G, đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Hôm nay, ngày / /2024, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Thời gian sở hữu từ	Ký tên
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
			Tổng cộng	Tổng số CP		

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị tại Điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Luật doanh nghiệp, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, cụ thể như sau:

1. Đề cử ứng cử viên tham gia vào Hội đồng Quản trị:

Ông (Bà):

CMTND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:))

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ghi nhận danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí của nhóm cổ đông nêu trên.

Chúng tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên theo Biên bản này.

Biên bản này gồm 02 trang, được lập vào lúc giờ, ngày/...../2024 tại và được đọc lại cho nhóm cổ đông cùng nghe, cùng thống nhất và cùng ký tên dưới đây.

**HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ
CỦA TỪNG CỔ ĐÔNG TRONG NHÓM CỔ ĐÔNG**

***Xin lưu ý:** Đơn này phải được gửi đến BTC Đại hội trước 14h00 ngày 20/5/2024 theo địa chỉ sau: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí số 35G, đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu.*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Kính gửi : Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc Quyết định thành lập số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:))

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

Chiếm.....% vốn điều lệ của DOBC

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát tại Điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Luật doanh nghiệp, Chúng tôi thấy mình có đủ điều kiện đề cử ứng viên tham gia vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

Chúng tôi đề cử ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí nhiệm kỳ 2024-2029 để tiến hành bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/5/2024, cụ thể như sau:

Ông (Bà):

CMTND/Hộ chiếu số:Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:) (nếu có).

Chúng tôi xin gửi kèm Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2024

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Xin lưu ý : Đơn này phải được gửi đến BTC Đại hội trước 14h00 ngày 20/5/2024 theo địa chỉ: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí số 35G, đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Hôm nay, ngày / /2024, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Thời gian sở hữu từ	Ký tên
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
			Tổng cộng	Tổng số CP		

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát tại Điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Luật doanh nghiệp, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, cụ thể như sau:

1. Đề cử ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm soát

Ông (Bà):

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:))

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ghi nhận danh sách ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí của nhóm cổ đông nêu trên.

Chúng tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên theo Biên bản này.

Biên bản này gồm 02 trang, được lập vào lúc giờ, ngày/...../2024 tại và được đọc lại cho nhóm cổ đông cùng nghe, cùng thống nhất và cùng ký tên dưới đây.

**HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ
CỦA TỪNG CỔ ĐÔNG TRONG NHÓM CỔ ĐÔNG**

***Xin lưu ý:** Đơn này phải được gửi đến BTC Đại hội trước 14h00 ngày 20/5/2024 theo địa chỉ sau: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí số 35G, đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. **Họ và tên:** Giới tính: *Nữ/Nam*
2. **Ngày tháng năm sinh:** Nơi sinh:
3. **Quốc tịch:**
4. **CMTND/Hộ chiếu số:** cấp ngày: Nơi cấp:
5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:**
6. **Chỗ ở hiện tại:**
7. **Trình độ văn hoá:**
8. **Trình độ chuyên môn:**
9. **Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:**

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật

10. **Quá trình làm việc:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....

12. Quan hệ thân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Anh/ chị/em ruột					
Vợ/ Chồng					
Con					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chính quyền địa phương, hoặc cơ quan nơi công tác)

....., ngày tháng năm 2023
NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)